

LỜI MỞ ĐẦU

Việc trở thành thành viên chính thức của tổ chức kinh tế thế giới WTO đã mang lại cho nền kinh tế Việt Nam không ít những cơ hội cũng như thách thức mới. Điều này đã làm cho các Doanh nghiệp trong nước phải nâng cao khả năng cạnh tranh để có thể đứng vững phát triển trong một môi trường kinh tế đầy biến động này. Nâng cao khả năng cạnh tranh đồng nghĩa với việc các doanh nghiệp phải nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng sản xuất, quản lý... Công tác quản lý của doanh nghiệp lại phụ thuộc rất lớn vào công tác kế toán, mà cụ thể là các thông tin tài chính do kế toán thu thập, phân tích, xử lý và cung cấp.

Việc tổ chức hạch toán kế toán của doanh nghiệp bao gồm nhiều khâu quan trọng, trong đó công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một khâu cơ bản của hạch toán kế toán. Nó phản ánh tình hình tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp như thế nào? Chi phí trong quá trình sản xuất tiêu thụ ra sao? Những kết quả hoạt động kinh doanh mà doanh nghiệp đã đạt được. Từ đó, các nhà quản trị mới có thể đưa ra được những đối sách phù hợp cho hướng đi của doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tế tìm hiểu công tác kế toán tại công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO em đã hiểu sâu hơn về công tác kế toán. Từ kiến thức được học và thực tế tìm hiểu em đã lựa chọn đề tài “ Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO” cho bài khóa luận tốt nghiệp này.

Nội dung của bài khóa luận được trình bày trong 3 chương như sau:

CHƯƠNG 1: *Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong Doanh nghiệp.*

CHƯƠNG 2: *Thực trạng công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO.*

CHƯƠNG 3: *Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO.*

Với kiến thức, kinh nghiệm và sự hiểu biết về công ty còn nhiều hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi mắc phải sai sót. Vì vậy em mong được sự góp ý của các thầy cô cũng như phòng kế toán công ty để giúp cho bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Bùi Thị Hương Nga

CHƯƠNG I
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN
VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:

1.1.1. Sự cần thiết của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:

Công tác kế toán có vai trò đặc biệt quan trọng đối với nền kinh tế nói chung, đối với từng doanh nghiệp nói riêng, trong đó, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận không thể thiếu. Góp phần:

- Giúp cho Nhà nước thực hiện việc kiểm tra giám sát tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp từ đó đưa ra các công cụ, các chính sách thích hợp nhằm thực hiện các kế hoạch đường lối phát triển nhanh chóng toàn diện nền kinh tế quốc dân.

- Giúp cho các nhà kinh doanh, các nhà cung cấp, các nhà đầu tư, các tổ chức tài chính... nắm bắt được tình hình kinh doanh của doanh nghiệp phục vụ cho việc đưa ra các quyết định kinh doanh của mình có liên quan đến doanh nghiệp: Tiếp tục hợp tác, có nên đầu tư, có nên cho vay vốn... hay không?

- Làm căn cứ để các nhà quản trị trong doanh nghiệp xác định được thực trạng tài chính của doanh nghiệp, từ đó đưa được ra các đối sách phù hợp cho con đường phát triển của doanh nghiệp.

1.1.2. Một số khái niệm cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:

1.1.2.1. Doanh thu:

a. Khái niệm:

- Doanh thu là tổng các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. (Các khoản thu hộ bên thứ ba không

làm tăng vốn chủ sở hữu nên không được gọi là doanh thu, các khoản góp vốn của cổ đông, chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không là doanh thu)

- Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Giá trị hợp lý là giá trị của tài sản có thể được trao đổi (hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện) giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá.

b. Phân loại doanh thu:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là toàn bộ số tiền đã thu được hoặc sẽ thu được từ các hoạt động giao dịch phát sinh doanh thu.

- Doanh thu hoạt động tài chính: Là số tiền thu được phát sinh từ các hoạt động tài chính như: đầu tư, nắm giữ cổ phiếu, góp vốn...

- Các loại doanh thu khác: doanh thu từ trợ cấp, trợ giá, kinh doanh bất động sản...

1.1.2.2. Các khoản giảm trừ doanh thu:

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

a. Chiết khấu thương mại:

Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (Sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua hàng, bán hàng.

b. Hàng bán bị trả lại:

Là toàn bộ giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm các hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại quy cách.

c. Giảm giá hàng bán:

Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất, không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế. (Chỉ ghi nhận là

các khoản giảm trừ nếu chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn).

1.1.2.3. Giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh:

a. Giá vốn hàng bán: Là toàn bộ trị giá xuất kho của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

b. Chi phí quản lý kinh doanh:

- Chi phí bán hàng: Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ. Bao gồm: Chi phí nhân viên; Chi phí vật liệu, bao bì; Chi phí dụng cụ, đồ dùng; Chi phí khấu hao TSCĐ; Chi phí bảo hành; Chi phí dịch vụ mua ngoài.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là toàn bộ các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; Bảo hiểm xã hội; Bảo hiểm y tế; kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng; Công cụ lao động; Khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý doanh nghiệp; Tiền thuê đất; Thuế môn bài; Khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; Dịch vụ mua ngoài ; Chi phí bằng tiền khác.

1.1.2.4. Doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính:

a. Doanh thu hoạt động tài chính: Bao gồm:

+ Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ...

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia.

+ Thu nhập về hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

+ Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.

+ Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.

+ Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ.

+Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.

+Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

b. Chi phí hoạt động tài chính:

Là các khoản chi phí hay các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

1.1.2.5. Chi phí khác, thu nhập khác:

a. Chi phí khác:

-Là chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, là các khoản chi phí (lỗ) do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

-Bao gồm:

+Chi phí khác: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có); Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác; Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; Bị phạt thuế, truy nộp thuế; Các khoản chi phí khác.

+Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

b. Thu nhập khác:

-Là khoản thu nhập được tạo ra ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như:

+Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ;

+Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;

+Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;

+Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;

- +Thu các khoản nợ khó đòi đã dự lý xóa sổ;
- +Các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại;
- +Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- +Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không xác định trong doanh thu (nếu có);
- +Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- +Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

1.1.2.6. Xác định kết quả kinh doanh:

Xác định kết quả kinh doanh là xác định kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm, được biểu hiện bằng số tiền lãi hoặc lỗ. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (Gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí quản lý kinh doanh.
- Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa thu nhập từ hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.
- Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.1.3. *Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:*

- Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chủng loại và giá trị.
- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản phải thu, giảm trừ doanh thu, chi phí của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp để cuối kỳ tập hợp doanh thu, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

-Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính doanh nghiệp, thu hoạt động bất thường.

-Theo dõi chi tiết, riêng biệt theo từng loại doanh thu, kể cả doanh thu nội bộ nhằm phản ánh kịp thời, chi tiết, đầy đủ kết quả kinh doanh làm căn cứ lập báo cáo.

-Phản ánh chính xác kết quả của từng hoạt động giám sát, tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.

-Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính, định kỳ phân tích các hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình về doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

-Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

-Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chi tiết tình hình hình tiêu thụ ở tất cả các trạng thái như hàng đang đi đường, hàng tồn kho, hàng gửi bán...

-Xác định đúng thời điểm hàng hóa được coi là tiêu thụ để kịp thời lập báo cáo tiêu thụ, phản ánh doanh thu, báo cáo thường xuyên tình hình tiêu thụ, thanh toán chi tiết theo từng loại hàng hóa, hợp đồng kinh tế.

-Xác định và tập hợp đầy đủ giá vốn, chi phí bán hàng, chi phí quản lý kinh doanh, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận. Từ đó đưa ra những kiến nghị, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh, cung cấp cho ban lãnh đạo để có những giải pháp thích hợp tiếp theo.

1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:

1.2.1. Các nguyên tắc cơ bản kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1.1. Điều kiện ghi nhận doanh thu:

-Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

+Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

+Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

+Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+Doanh thu đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

-Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

+Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

+Xác định được phần công việc đã tương đối hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

+Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí đề hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.2.1.2. Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

-Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu VAT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có VAT.

-Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện chịu VAT hoặc chịu VAT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán.

-Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu thì doanh thu là tổng giá thanh toán (gồm thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu).

-Doanh nghiệp nhận gia công vật tư hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng không bao gồm trị giá vật tư, hàng hóa nhận gia công.

-Với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán hàng đúng giá hưởng hoa hồng thì doanh thu là phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

-Trương hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện, phần lãi thính trên khoản phải trả.

-Trường hợp trong kỳ, doanh nghiệp đã viết hóa đơn bán hàng và đã thu tiền bán hàng nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa giao hàng cho người mua thì trị giá số hàng này không được coi là tiêu thụ nên không được ghi tăng doanh thu mà chỉ hạch toán giảm khoản phải thu khách hàng. Khi thực hiện giao hàng cho người mua thì mới ghi nhận doanh thu.

-Trường hợp cho thuê tài sản, nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ của năm tài chính sẽ bằng tổng số tiền cho thuê đã thu được chia cho số năm cho thuê tài sản.

-Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp trợ giá.

1.2.1.3. Các nguyên tắc cơ bản khi xác định kết quả kinh doanh:

-Phản ánh đầy đủ, chính xác các khoản kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán theo đúng quy định của chính sách tài chính hiện hành.

-Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động (Hoạt động sản xuất, chế biến, hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, hoạt động tài chính...). Trong từng loại kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại dịch vụ.

-Các khoản doanh thu và thu nhập dùng để xác định kết quả kinh doanh phải là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

1.2.2. *Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:*

a. Chứng từ kế toán sử dụng:

-Hóa đơn GTGT

-Hóa đơn bán hàng thông thường

-Hợp đồng mua bán

-Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng

-Phiếu xuất kho

.....

b. Tài khoản sử dụng:

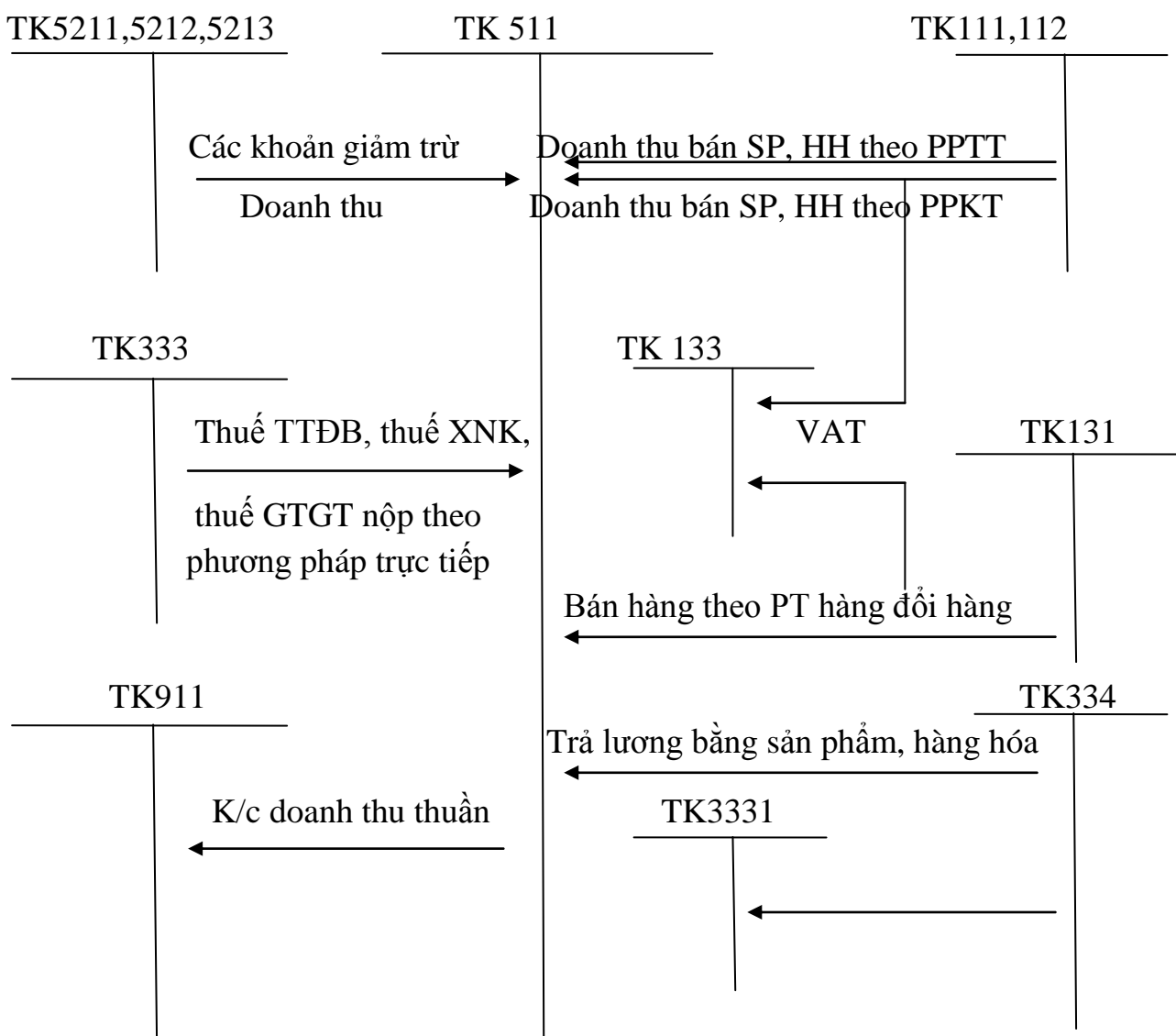
TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Bao gồm 4 tài khoản cấp 2:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK5118: Doanh thu khác

TK 511 không có số dư cuối kỳ.

c. Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.2.3. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:

a. Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo có, giấy báo Nợ của ngân hàng
- Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho (hàng bán bị trả lại)

.....

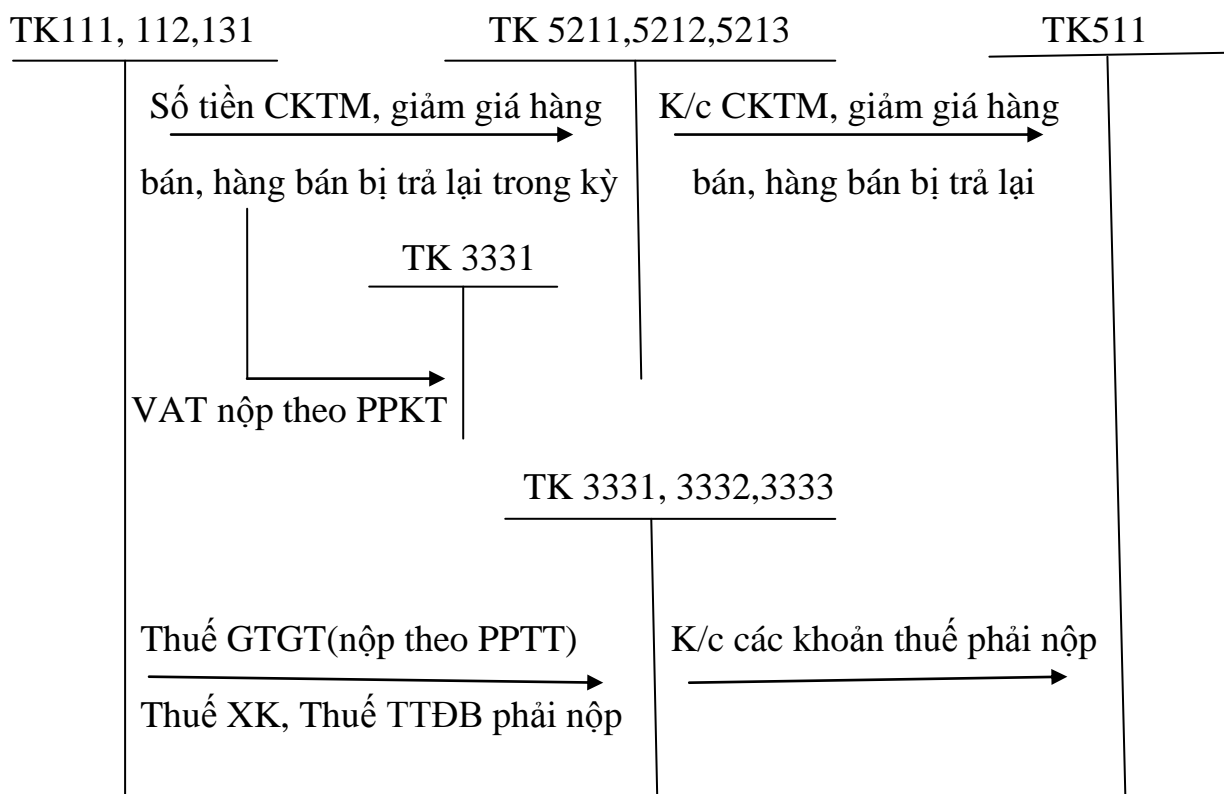
b. Tài khoản sử dụng:

*TK 521: Các khoản giảm trừ doanh thu

Bao gồm 3 tài khoản cấp 2:

- TK 5211: Chiết khấu thương mại
- TK 5212: Hàng bán bị trả lại
- TK 5213: Giảm giá hàng bán
- *TK 3331: Thuế GTGT đầu ra (Nộp theo phương pháp trực tiếp)
- *TK 3332: Thuế tiêu thụ đặc biệt
- *TK3333: Thuế xuất khẩu phải nộp

c. Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.4. Kế toán giá vốn hàng bán:

a. Các phương pháp xác định giá vốn của hàng xuất bán:

*Phương pháp bình quân gia quyền:

Theo phương pháp này, giá thực tế của hàng xuất kho trong kỳ được tính theo công thức:

Giá thực tế hàng	=	Số lượng hàng hóa	giá đơn vị
Xuất kho		xuất kho	* bình quân

Trong đó, giá đơn vị bình quân của từng sản phẩm, hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ hoặc bình quân liên hoàn. Công thức tính như sau:

-phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Giá đơn vị bình quân} = \frac{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} * \text{Đơn giá tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ} * \text{đơn giá nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

-Phương pháp bình quân liên hoàn:

$$\text{Đơn giá sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá thực tế hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

*Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO):

Theo phương pháp này, giá thực tế của hàng xuất kho trong kỳ được xác định theo công thức:

Giá thực tế hàng Xuất kho	=	Số lượng hàng hóa xuất kho	* giá đơn vị tính theo PP FIFO
------------------------------	---	-------------------------------	-----------------------------------

Trong đó giá đơn vị tính theo phương pháp FIFO được xác định như sau: Hàng nào nhập về trước sẽ xuất ra trước (nếu còn số dư đầu kỳ thì xuất số dư đầu kỳ trước), xuất hết số lượng nhập trước mới tính đến số hàng nhập sau theo giá mua thực tế của từng lượng hàng.

*Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):

Công thức tính giống với phương pháp FIFO, nhưng giá đơn vị tính theo phương pháp LIFO được xác định như sau: Hàng nào nhập về sau cùng sẽ xuất ra trước tiên; xuất hết số nhập sau cùng đó đến số nhập ngay trước đó. Phương pháp này ngược với phương pháp nhập trước xuất trước.

*Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này, giá đơn vị được xác định như sau: hàng được xác định trị giá theo đơn chiếc hay từng lô và giữ nguyên từ lúc nhập cho đến lúc xuất. Khi xuất lô hàng nào thì sẽ xác định theo giá thực tế đích danh của lô hàng đó.

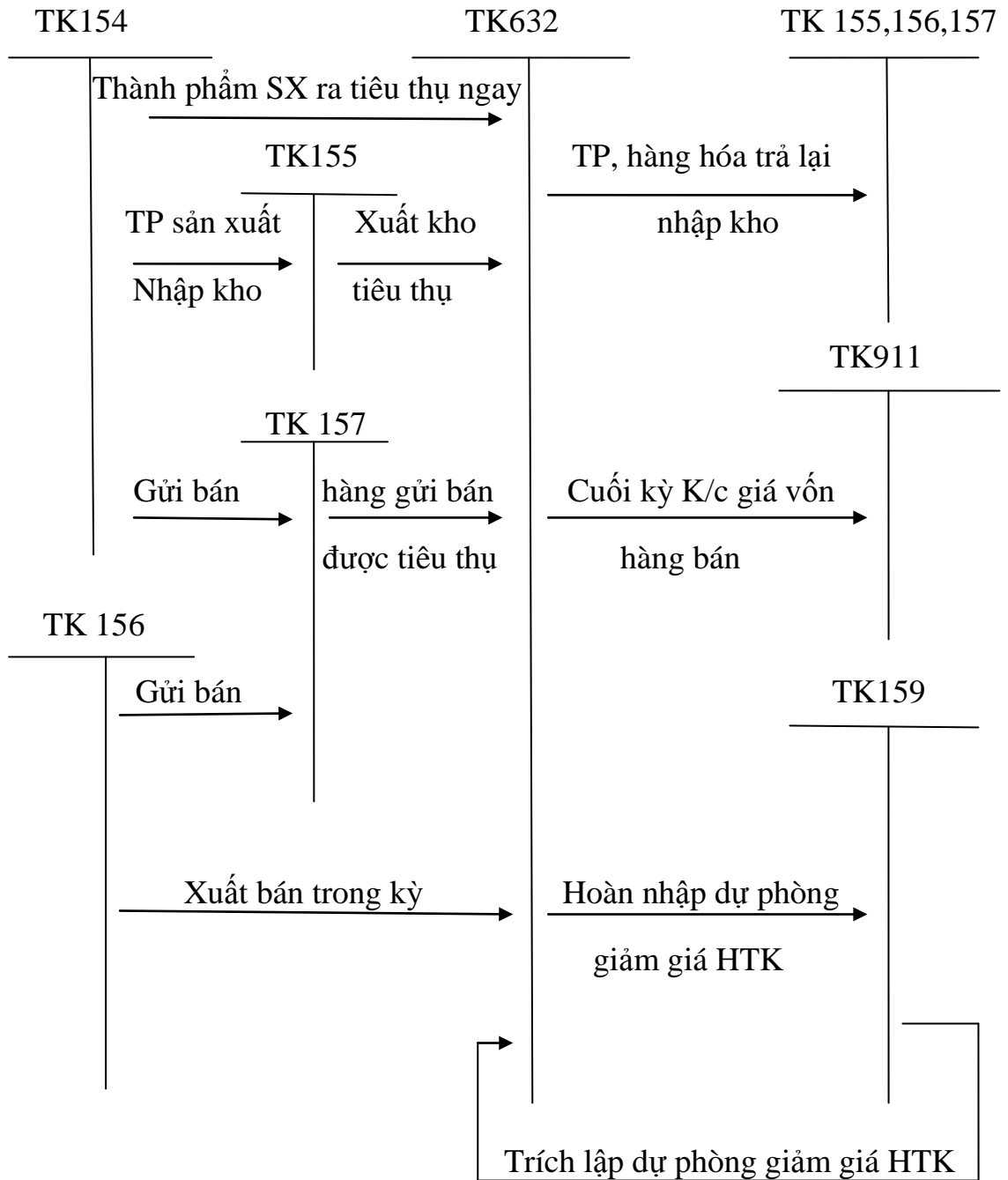
$$\text{Trị giá thực tế hàng xuất kho} = \text{Số lượng xuất kho} * \text{giá đơn vị}$$

b. Tài khoản sử dụng và phương pháp hạch toán:

* Hạch toán giá vốn theo phương pháp kê khai thường xuyên:

-TK 632: Phản ánh giá vốn hàng bán xuất bán trong kỳ.

-Phương pháp hạch toán:



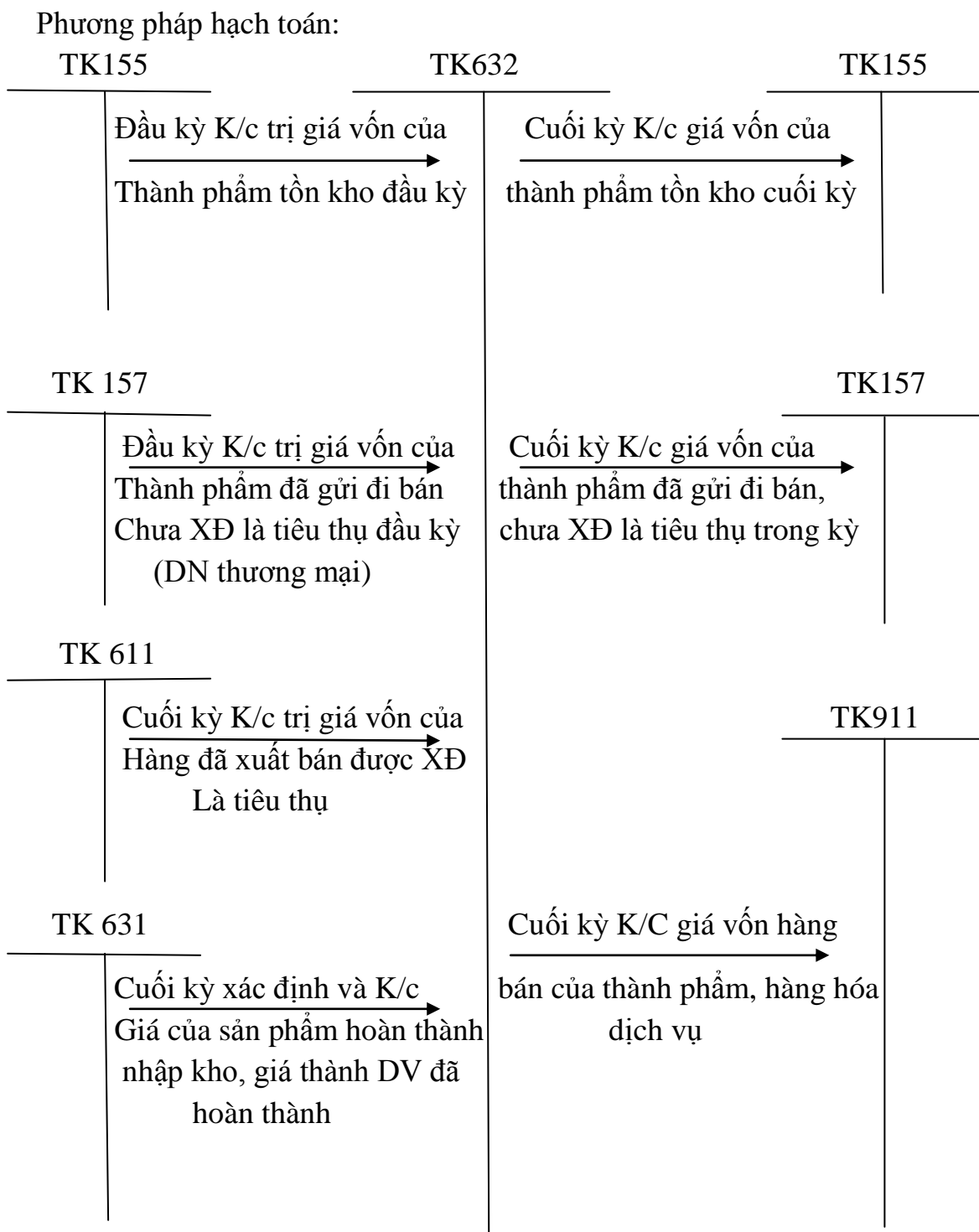
Sơ đồ 1.3: sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên

*Hạch toán giá vốn theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

-TK 632: giá vốn hàng xuất bán trong kỳ

-TK611: Mua hàng

-TK 631: giá thành



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán giá vốn theo PP kiểm kê định kỳ.

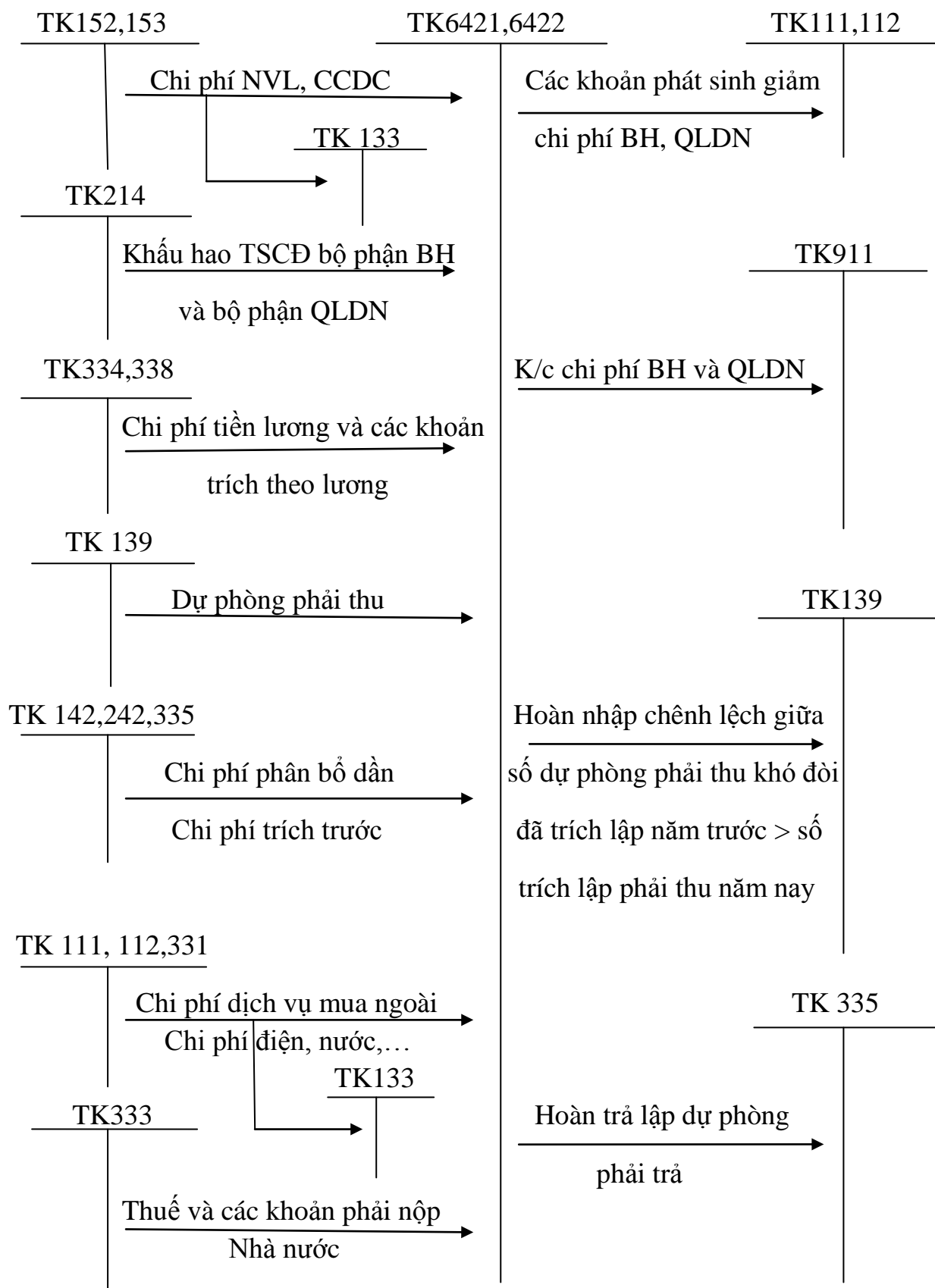
1.2.5. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh:

a. Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo có tiền gửi ngân hàng
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Bảng phân bổ tiền lương
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu – công cụ dụng cụ
- Các chứng từ khác có liên quan

Hàng ngày dựa vào các chứng từ phát sinh liên quan đến chi phí quản lý kinh doanh, kế toán tiến hành ghi vào sổ chi tiết, sổ Cái các tài khoản 6421, 6422 phụ thuộc vào doanh nghiệp áp dụng theo từng hình thức kế toán. Cuối kỳ kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào thu nhập, từ đó tính được lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

b. Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.6. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính:

a. Chứng từ sử dụng:

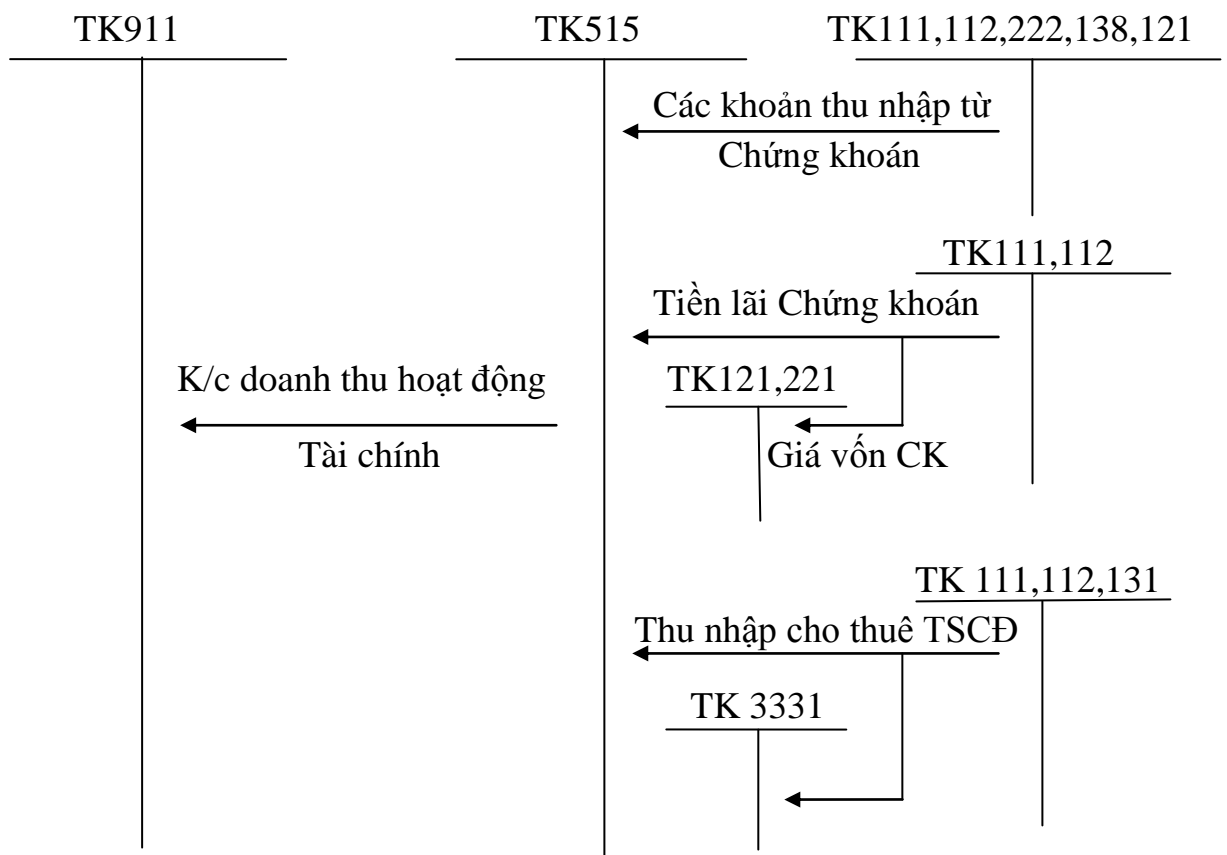
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan.

b. Tài khoản sử dụng:

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635: Chi phí hoạt động tài chính:

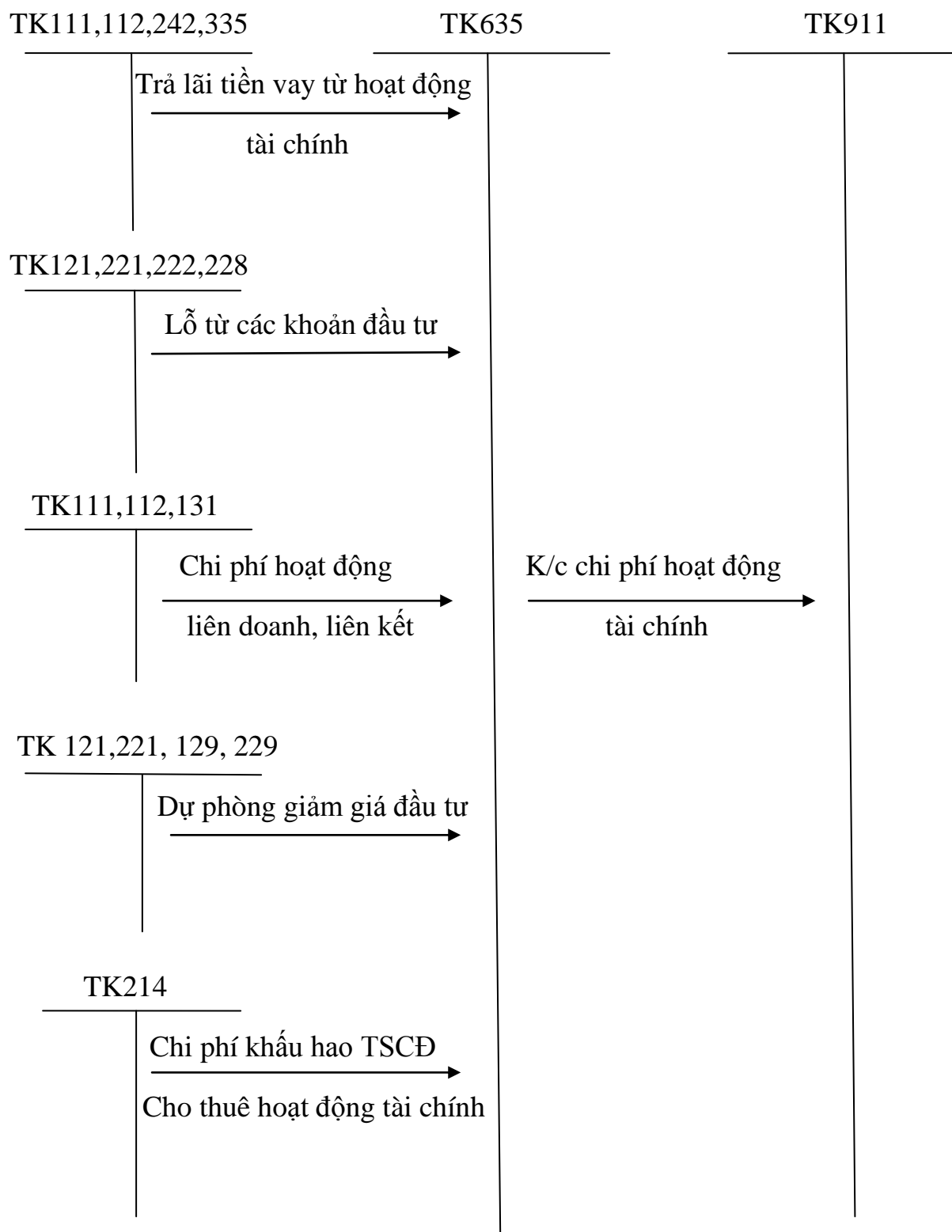
c. Phương pháp hạch toán:

*Doanh thu hoạt động tài chính:



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.

*Chi phí hoạt động tài chính:



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán chi phí hoạt động tài chính.

1.2.7. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác:

a. Chứng từ sử dụng:

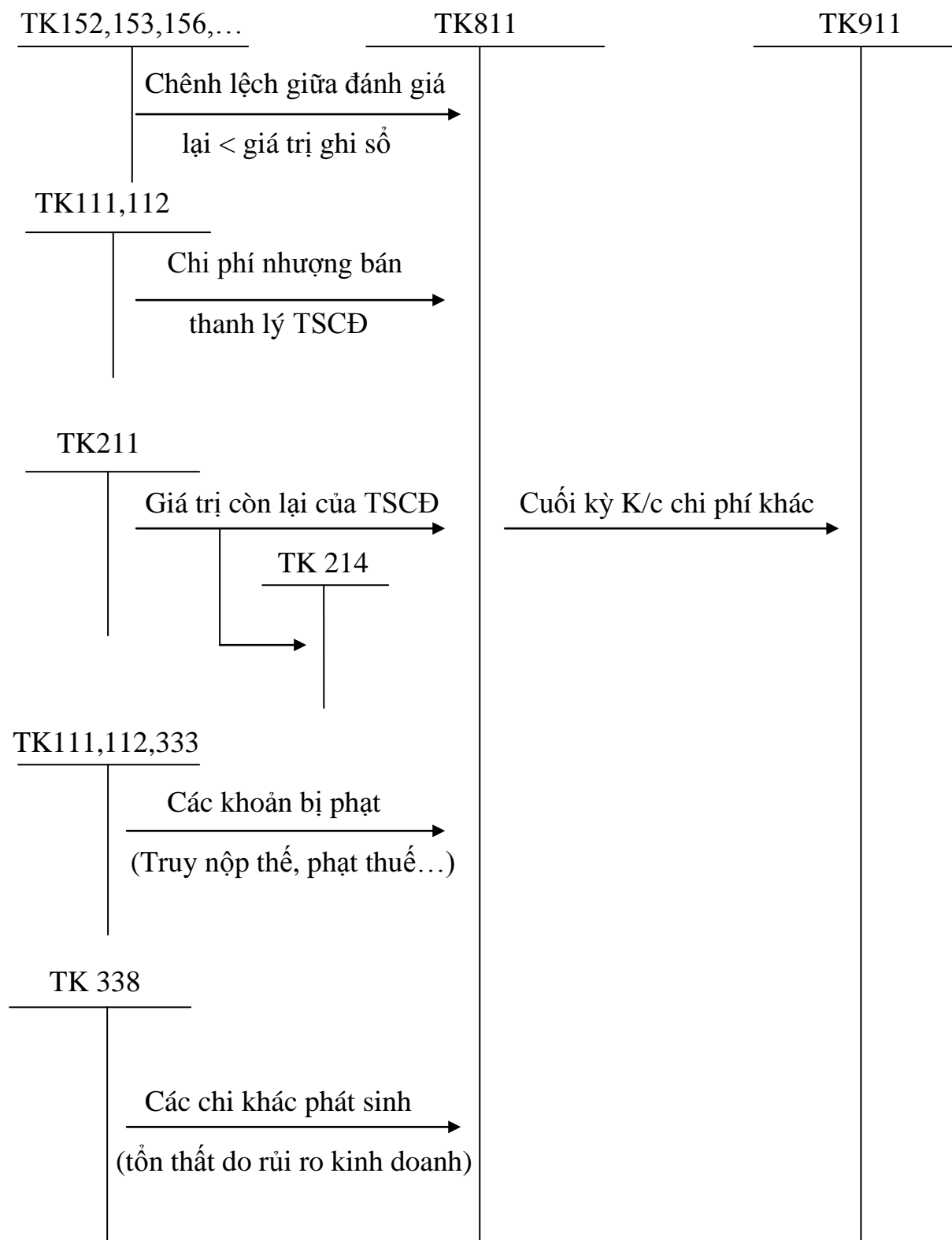
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan.

b.Tài khoản sử dụng:

- TK711: Thu nhập khác
- TK811: Chi phí khác

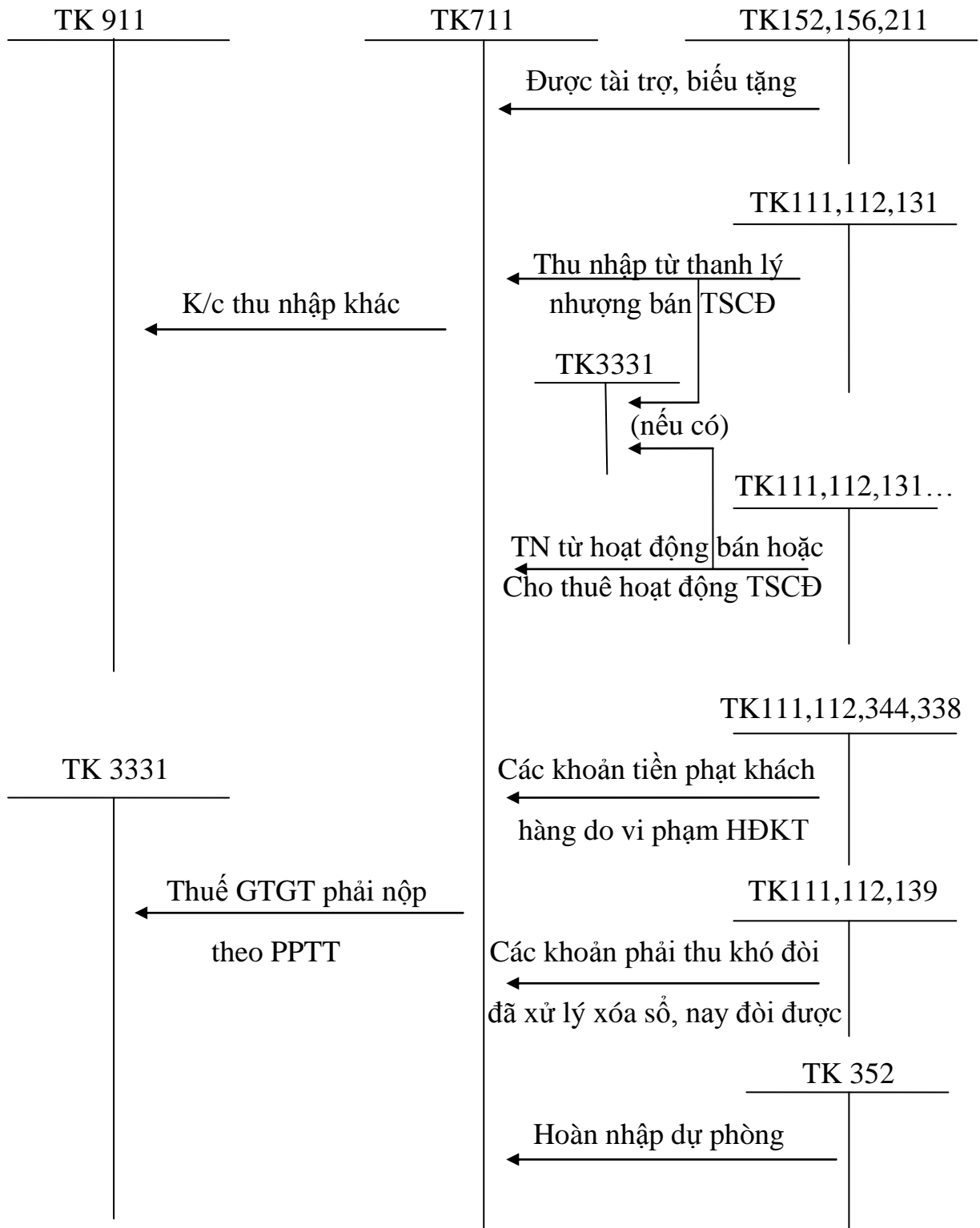
c. Phương pháp hạch toán:

*Chi phí khác:



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí khác

*Doanh thu khác:



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán kế toán doanh thu khác.

1.2.8. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

a. Chứng từ sử dụng:

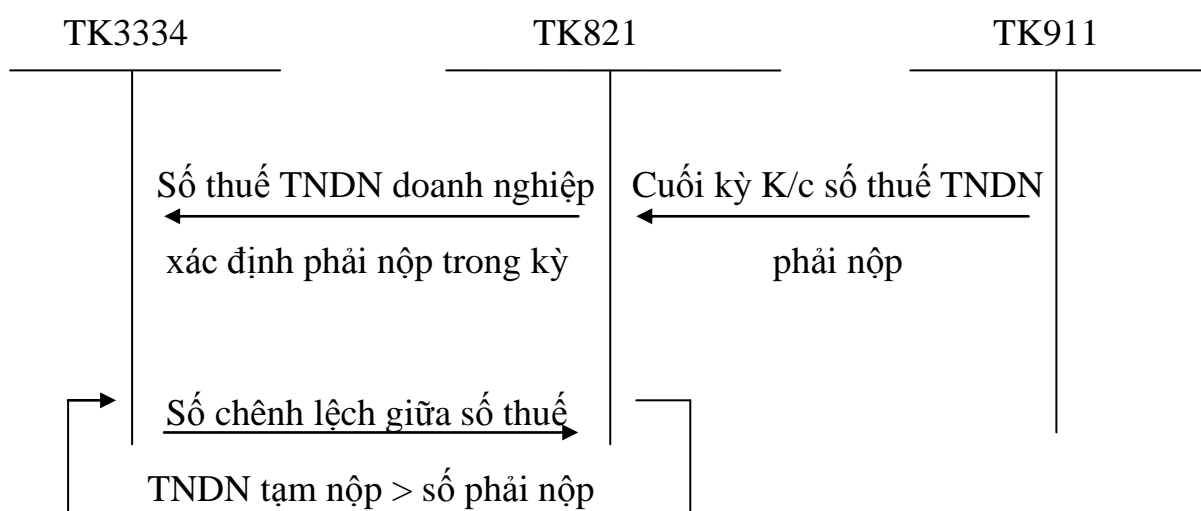
-Phiếu kế toán

b. Tài khoản sử dụng:

-TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

c. Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí thuế TNDN

1.2.9. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:

a. Chứng từ sử dụng:

-Phiếu kế toán

b. Tài khoản sử dụng:

-TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

-TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

TK4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước

TK4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

c. Phương pháp xác định kết quả kinh doanh:

-Căn cứ vào số dư cuối tháng của các tài khoản 511, 515, 711 kế toán thực hiện kết chuyển sang bên Có của tài khoản 911.

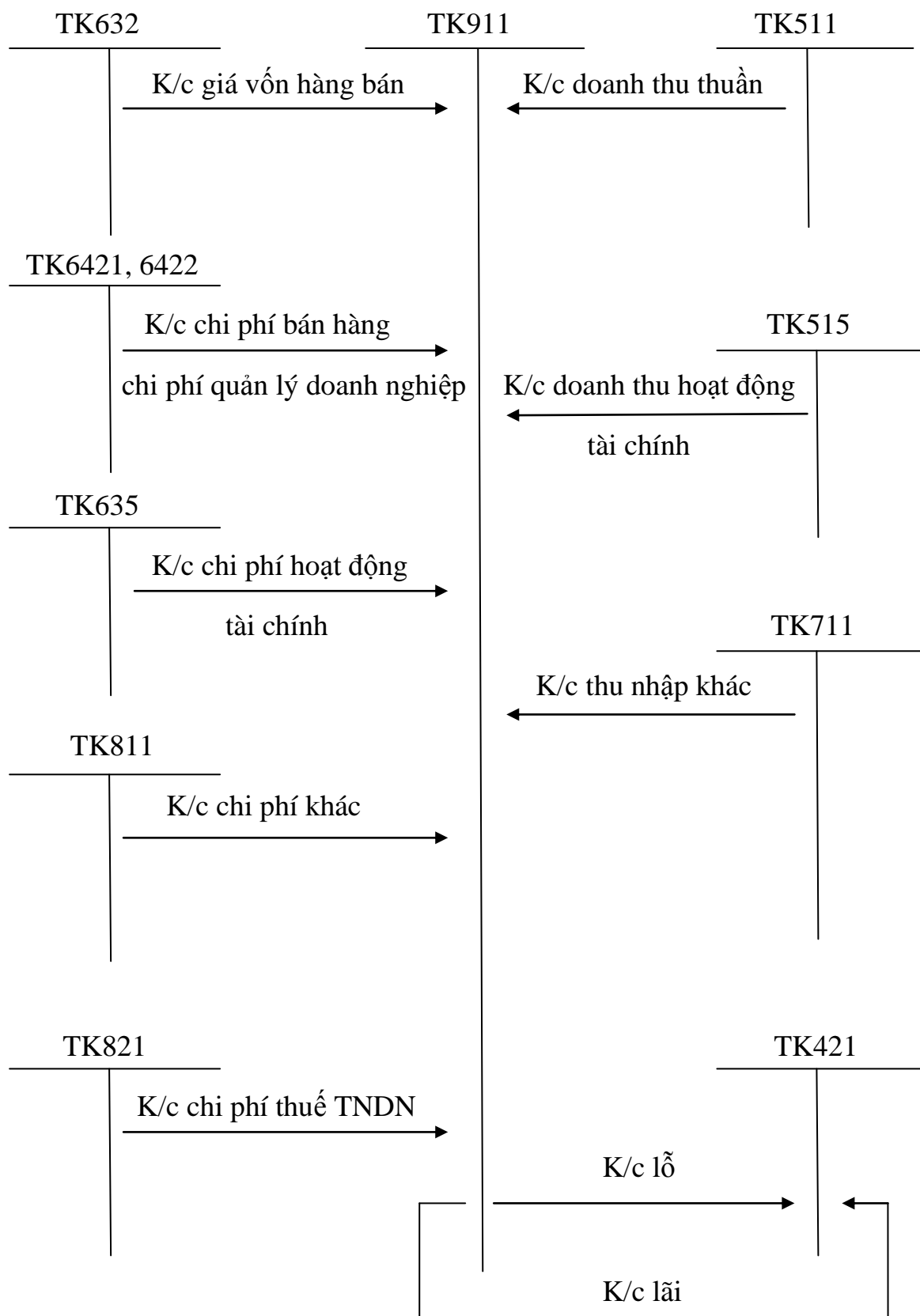
-Căn cứ vào số dư cuối tháng của các tài khoản 632, 635, 6421, 6422, 811, 821 kế toán thực hiện kết chuyển sang bên Nợ của tài khoản 911.

Sau khi bù trừ hai bên Nợ - Có của TK 911, kế toán xác định kết quả kinh doanh như sau:

-Nếu TK 911 dư Nợ thì kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được xác định là Lỗ. Số Lỗ này sẽ được kết chuyển sang bên Nợ của TK 421.

-Nếu TK 911 dư Có thì kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được xác định là Lãi. Số Lãi này sẽ được kết chuyển sang bên Có của TK 421.

d. Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh.

1.3.Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán:

1.3.1. Hình thức Nhật ký – Sổ cái.

a. Đặc điểm:

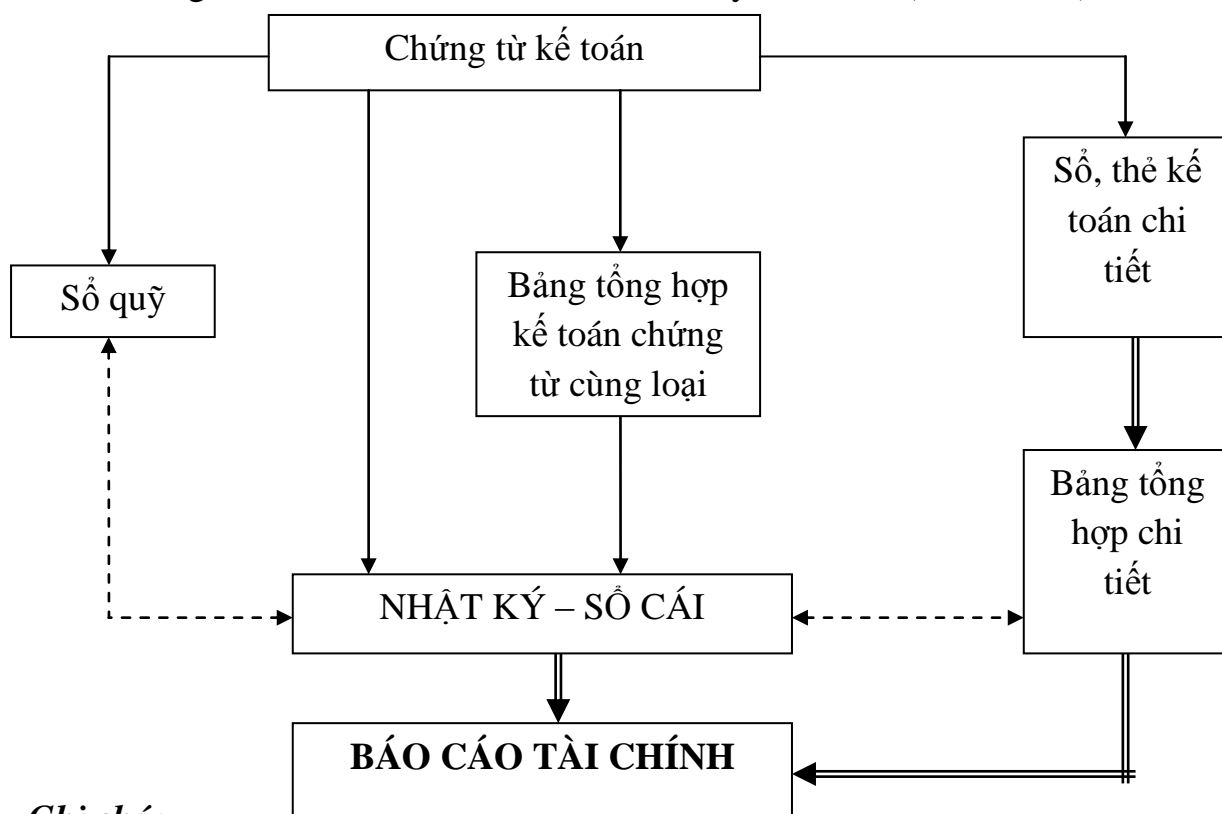
-Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái là các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

-Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

+Nhật ký – Sổ cái;

+Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

b.Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái: (Biểu số 01)



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra ←- - - ->

1.3.2. Hình thức Nhật ký chung:

a. Đặc điểm:

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký chung để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

-Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;

-Sổ Cái;

-Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

b. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung:

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mời sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

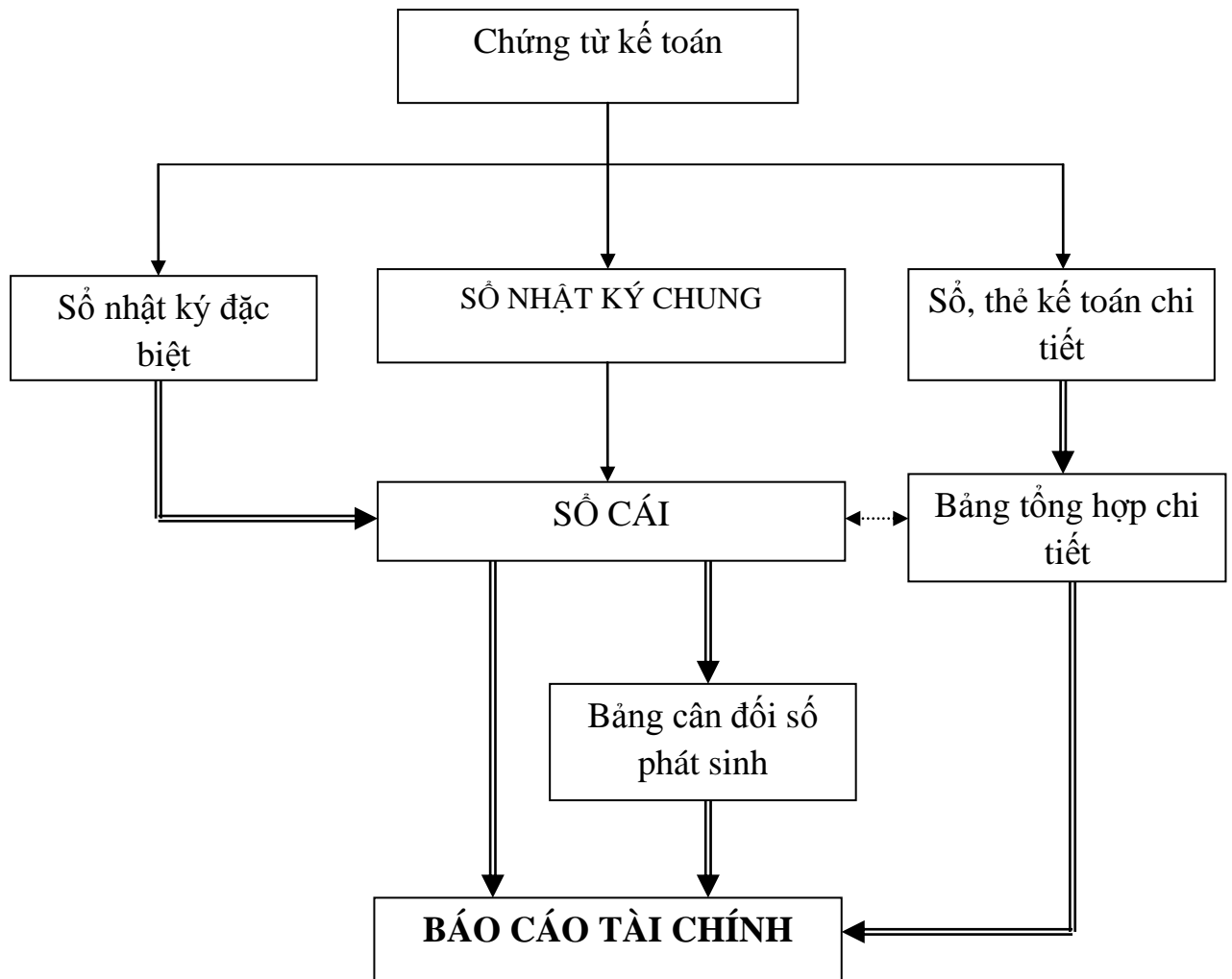
Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký chung đặc biệt thì hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3,5,10...ngày) hoặc cuối tháng tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được đồng thời ghi vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung đặc biệt) cùng kỳ.

Biểu số 02

**Trình tự ghi sổ kế toán
theo hình thức kế toán Nhật ký chung**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng \Longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

1.3.3. Hình thức Nhật ký – Chứng từ:

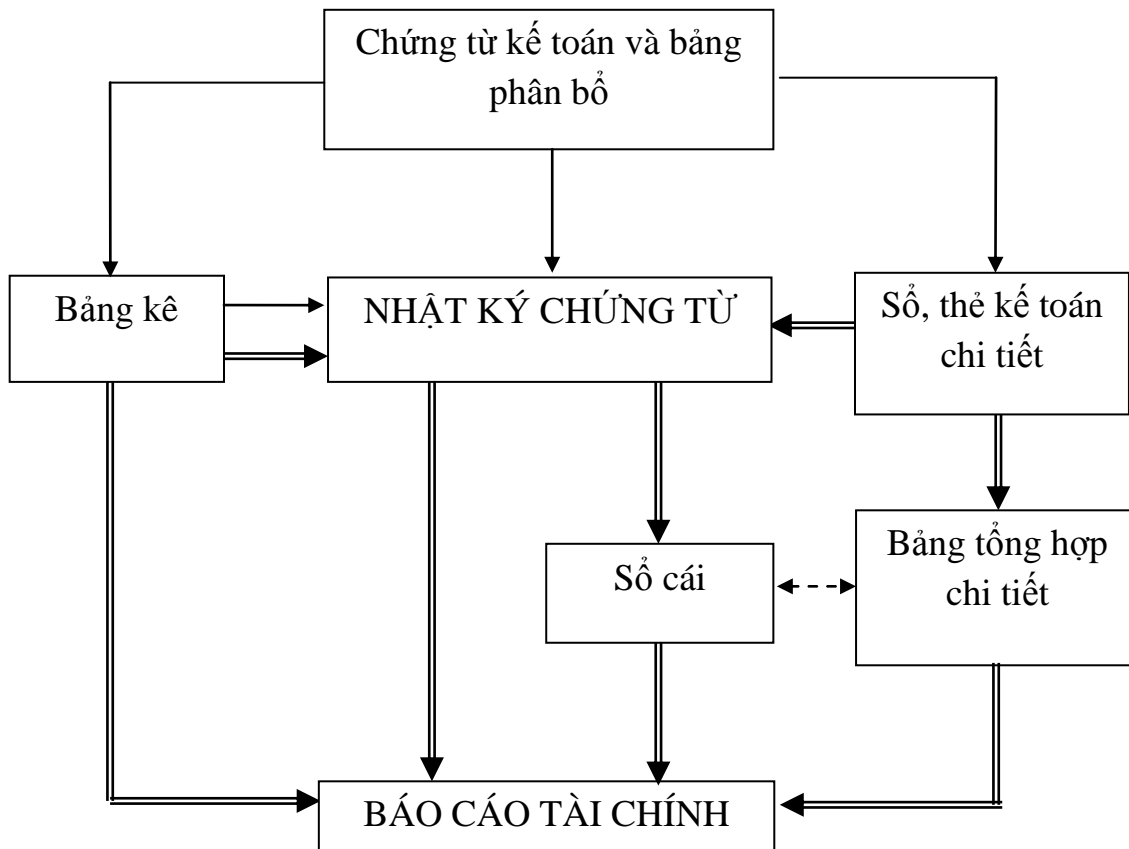
a. Đặc điểm:

- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.
- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).
- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.
- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán như sau :

- Nhật ký chứng từ;
- Bảng kê;
- Sổ cái;
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

b. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ: (Biểu số 03)



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng \Longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

1.3.4. Hình thức Chứng từ ghi sổ:

a. Đặc điểm:

-Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ là căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- +Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- +Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

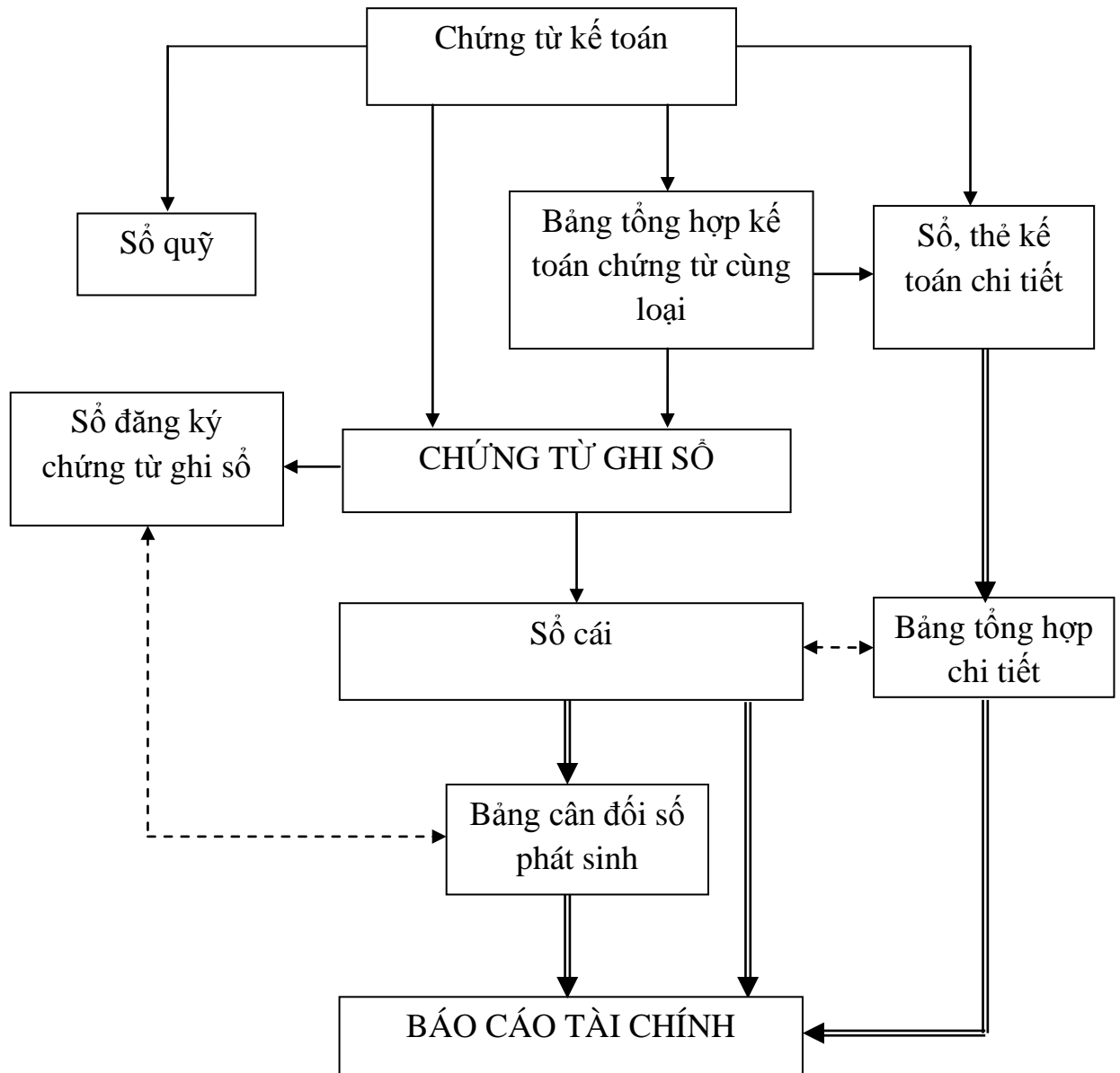
Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc ccar năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có cchuwngs từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

b. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: (Biểu số 04)



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng \Longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính:

a. Đặc điểm:

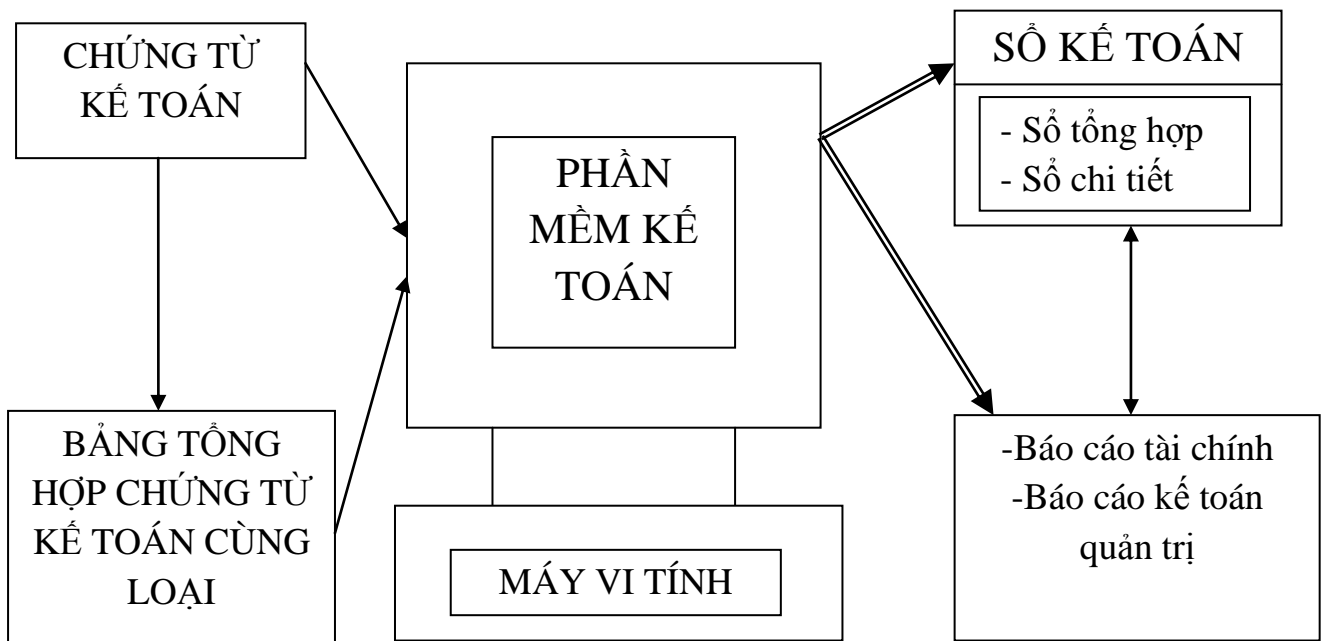
Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính.

Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ mọi quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

b.Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính : (Biểu số 05)



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng ==>
- Đối chiếu, kiểm tra <--->

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT INCHEMCO

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO:

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO được thành lập theo quyết định số 049593 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 17/06/1997.

-Tên giao dịch tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT.

-Tên tiếng Anh: INDUSTRY CHEMICAL COMPANY LIMITED.

-Tên viết tắt: INCHEMCO.,LTD

-Địa chỉ văn phòng: 14 Lô 26D Khu đô thị Ngã năm sân bay Cát Bi – Quận Ngô Quyền – Thành phố Hải Phòng.

-Điện thoại: 84.31.3760141/3761675

Fax: 84.31.3760784

-Email: inchemco@hn.vnn.vn

Website: www.inchemco.com.vn

Khu xưởng sản xuất: Phường Anh Dũng – Quận Dương Kinh – TP Hải Phòng.

Mã số thuế: 0200278475

Số tài khoản: 102.01.0000216913 tại NH Công thương chi nhánh Ngô Quyền-HP

Vốn điều lệ: 5.000.000.000 (5 tỉ VN đồng)

Tiền thân của công ty là công ty công nghệ điện hoá ELECHEM, công ty này được thành lập theo quyết định số 331 VKH_QĐ ngày 08/6/1991 của viện trưởng viện hóa học Việt Nam (*nay là Trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia*). Theo chỉ thị 500/TTG của thủ tướng chính phủ về việc khẩn trương sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia đã khẩn trương báo cáo tình hình hoạt động của tất cả các doanh nghiệp và đưa phương án sắp xếp. Tất cả các doanh nghiệp thuộc trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia hầu hết được thành lập từ năm 1989-1990 trở lại đây, để triển khai các kết quả nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ

mới vào sản xuất và làm dịch vụ kỹ thuật. Các tổ chức này hoạt động theo nghị định 268/CT, không được nhà nước cấp vốn, tận dụng các thiết bị nghiên cứu, năng lực cán bộ, ứng dụng các kết quả của đề tài nghiên cứu vào sản xuất tạo ra sản phẩm cho xã hội.

Sự ra đời của công ty INCHEMCO những năm đầu là cả một quá trình thử thách với bao khó khăn và sự sát hạch gắt gao của sản xuất và cạnh tranh theo cơ chế thị trường. Nhưng với quyết tâm của ban lãnh đạo mà đặc biệt là đồng chí giám đốc công ty và sự đóng góp sức lực của toàn thể nhân viên công ty công nghiệp hoá chất INCHEMCO nên công ty ngày một hoàn thiện và phát triển vững mạnh.

a. Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động:

*Những thuận lợi:

-Việc gia nhập tổ chức thương mại quốc tế WTO đã tạo ra nhiều cơ hội mới để học hỏi, nâng cao trình độ tổ chức sản xuất cho các công ty công nghiệp hóa chất như INCHEMCO.

-Trong những năm hoạt động công ty đã tạp được uy tín về chất lượng sản phẩm của mình trên thị trường, khẳng định được thương hiệu của mình ở trong và ngoài nước.

-Công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO đã được thành lập từ khá lâu, đã trải qua nhiều thử thách theo các cung bậc thăng trầm của nền kinh tế nên đã có bề dày kinh nghiệm hoạt động ổn định trong sự biến động không ngừng của thị trường.

-Bên cạnh đó, cán bộ lãnh đạo của công ty là những người có chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh, thường xuyên quan tâm các nhân viên trong công ty, vì vậy ngay từ khi mới thành lập công ty đã luôn làm ăn có lãi và đạt được nhiều mục tiêu đề ra.

*Những khó khăn:

- Gia nhập WTO đem lại những cơ hội mới nhưng đồng thời cũng đem lại cả những thách thức mới cho nền kinh tế nói chung và đối với công ty INCHEMCO nói riêng về khả năng cạnh tranh của các sản phẩm sản xuất và nhập khẩu...

b. Những thành tích cơ bản mà công ty đã đạt được trong những năm qua:

Theo báo cáo tổng kết cuối năm 2011 về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong một số năm gần đây cho thấy. Trải qua hơn 20 năm đi vào hoạt động và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, cũng như được cọ xát với thị trường. Công ty INCHEMCO là một bằng chứng sống động của việc đưa khoa học nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất nhằm phát huy những nội lực sẵn có của đội ngũ khoa học Việt Nam, luôn phát huy tiềm năng vốn có, không ngừng nghiên cứu sáng tạo ứng dụng thành công tạo những sản phẩm có hiệu quả và hàm lượng khoa học công nghệ cao, tiết kiệm kinh phí cho đất nước và tạo công ăn việc làm, giải quyết nạn thất nghiệp.

Bảng 1.1: Bảng kết quả hoạt động SXKD của công ty trong 2 năm 2010-2011:

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	2010	2011	So sánh %
1	Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	Đồng	18.054.197.811	26.436.501.368	31,71%
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Đồng	501.514.997	686.853.958	26,98%
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	501.514.997	686.853.958	26,98%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	376.136.248	515.102.968	26,98%
5	Thu nhập bình quân NLĐ	Đồng/tháng	4.750.000	5.820.000	18,38%

(Trích Bảng phân tích các chỉ tiêu trên Báo cáo KQKD của DN năm 2011)

Thông qua số liệu trên ta thấy Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ năm 2011 đã tăng 8.382.303.550 đồng tương đương tăng 31,71% so với năm 2010. Điều này chứng tỏ công tác tiêu thụ sản phẩm hàng hóa của công ty đã được mở rộng, sản phẩm hàng hóa của công ty trên thị trường có uy tín và được biết đến rộng rãi hơn. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2011 so với năm 2010 đã tăng 185.338.961 đồng tương đương tăng 26,98%, cho thấy công ty

đã tiết kiệm được các chi phí trong quá trình sản xuất kinh doanh, từ đó làm tăng tổng lợi nhuận kế toán trước thuế cho doanh nghiệp. Thu nhập của người lao động cũng ngày một nâng cao, năm 2011 so với năm 2010 đã tăng 1.070.000 đồng/tháng (tăng 18,38%), góp phần nâng cao đời sống cho toàn bộ cán bộ công nhân viên công ty.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO:

Công ty công nghiệp hoá chất INCHEMCO chuyên sản xuất và kinh doanh các loại hoá chất phục vụ cho vệ sinh dân dụng và công nghiệp, chuyên giao quy trình công nghệ và các sản phẩm hoá chất theo đơn đặt hàng của khách hàng trong lĩnh vực công nghiệp hoá chất, nghiên cứu tạo ra các công nghệ mới về hoá học. Tư vấn cho các thành phần kinh tế, các lĩnh vực trong và ngoài nước để tạo ra các công nghệ mới về hoá học.

Thị trường của công ty trên toàn lãnh thổ Việt Nam và xuất khẩu tại chỗ cho các công ty, tập đoàn sản xuất có nhà máy tại Việt Nam, tập trung chủ yếu vẫn là thị trường Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, Hà Nội, Thành Phố Hồ Chí Minh... Công ty còn cung cấp các sản phẩm của mình cho các nhà máy công nghiệp các công ty đóng tàu, công ty hàng hải, hoá chất...

***Bảng1.2: Một số sản phẩm do công ty TNHH công nghiệp hóa chất INHCEMCO sản xuất:**

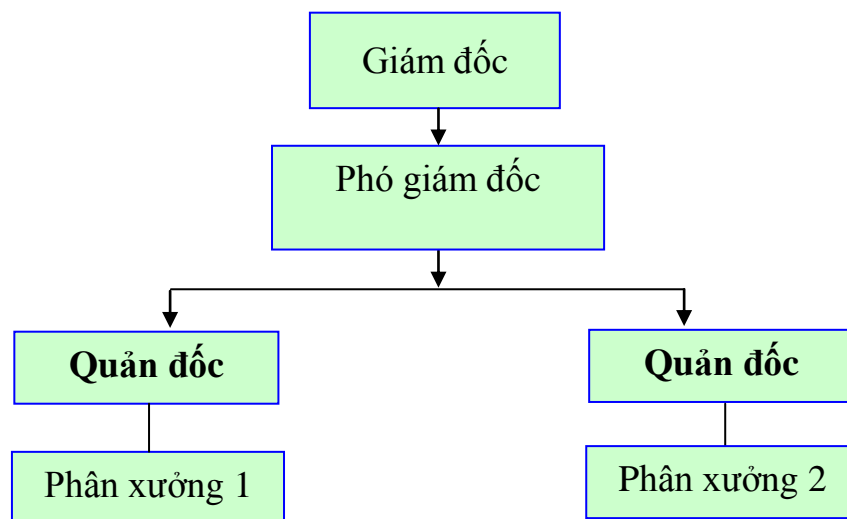
STT	MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	CÔNG DỤNG
11	IC 01 ACC	Chất tẩy sinh hàn	Nhanh chóng làm sạch các vết bẩn, muội than, dầu mỡ, các loại bụi hữu cơ và vô cơ bám trên bề mặt kim loại tuốc bin, máy làm mát trong động cơ diesel, sinh hàn gió, bộ khử nhiệt gió...
2	IC 03 DOL	Chất tẩy dầu mỡ	Dùng để tẩy rửa, giặt các sản phẩm bị dính dầu như sàn tàu xe, xitec chứa dầu..
3	IC 05 OSD	Chất tẩy dầu loang	Dùng để tẩy sạch các vết dầu loang trên mặt biển, sông, hồ. bằng cách chuyển dầu nặng và nhẹ thành thể sữa.
4	IC 09 DCL	Diezel care	Làm tác nhân gây cháy và làm giảm tàn tro nhiên liệu
5	IC 10 FOT	Chất xử lý dầu nhiên liệu	Có tác dụng làm sạch các cặn dầu nặng đóng trong các thiết bị trong quá trình cháy, nâng hiệu quả hoạt động của hệ thống. Hệ thống buồng đốt..
6	IC 12 EMC	Chất tẩy rửa động cơ	Dùng để làm sạch động cơ điện khỏi bụi bẩn, dầu mỡ, bụi bông, vết bẩn hữu cơ. Các thiết bị: mô tơ, máy phát điện, tiếp điểm, bảng điều khiển...
7	IC 13 PAR	Chất tẩy môi hàn	Sử dụng để làm sạch bùn, chất cặn

		Inox-thép không rỉ	gi và chất bẩn từ các bề mặt cần làm sạch bằng kim loại..
8	IC 17 CRM	Nhựa sứ	Dùng làm vật liệu nê-m, chèn, chống thấm, chịu va đập trong môi trường khắc nghiệt của ngành hàng hải, công nghiệp..
9	IC 20 SRP	Chất tẩy muối	Làm giảm bớt bồ hóng và chất xỉ quặng trong lò nung và trong các xitec nồi hơi, ống thoát khí của hệ thống động cơ diesel.
10	IC 33 CWT	Chất xử lý nước làm mát trong động cơ	Xử lý nước làm mát ngăn chặn sự ăn mòn và sự phát triển của tảo, chống hình thành cặn cặn trong các hệ thống động cơ diesel hàng hải, và các hệ thống tuần hoàn kín...
....

(Trích bảng giới thiệu một số sản phẩm của công ty INCHEMCO)

***Sơ đồ tổ chức phân hệ sản xuất của công ty TNHH công nghiệp hóa chất**

INCHEMCO:



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức phân hệ sản xuất công ty INCHEMCO.

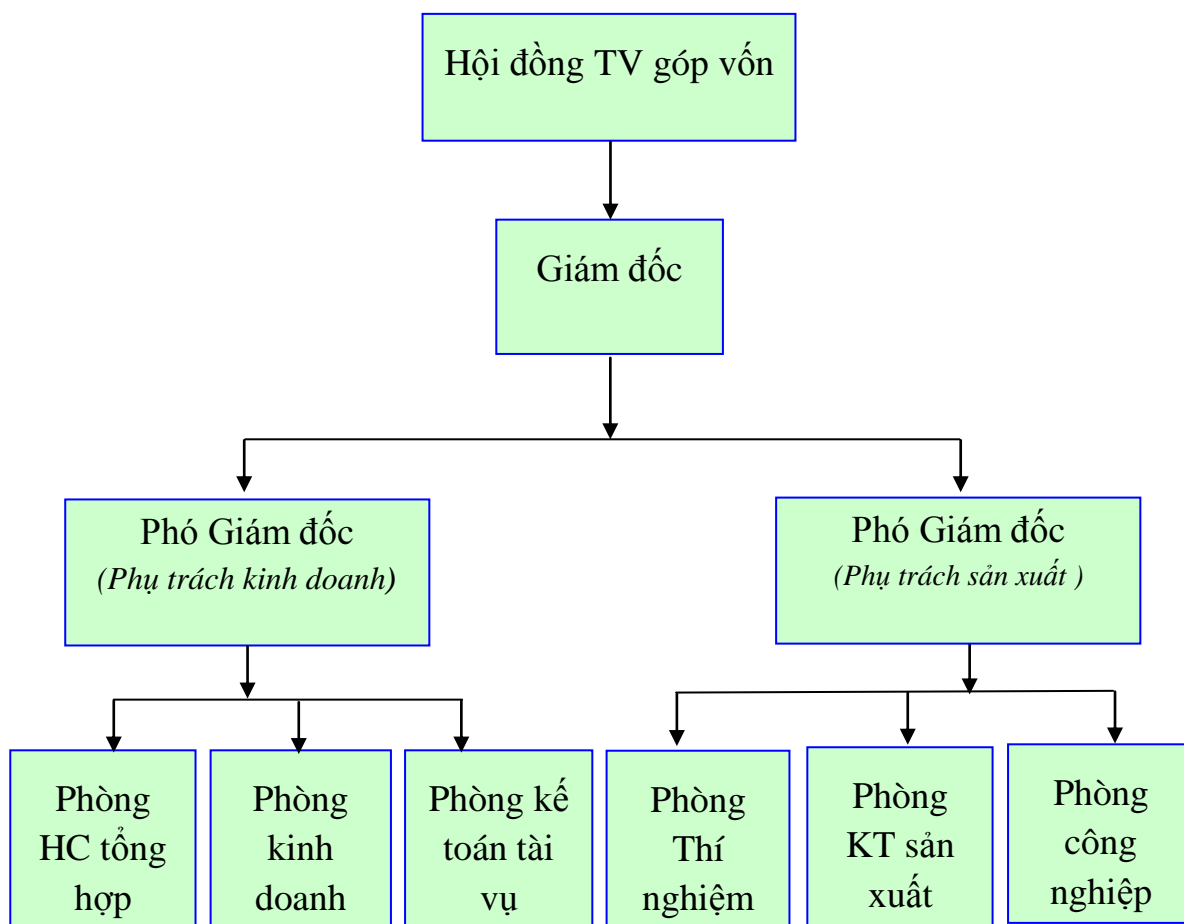
-Nhiệm vụ của từng phân xưởng sản xuất:

Thực hiện sản xuất các loại sản phẩm để bán ra ngoài thị trường và sản xuất theo đơn đặt hàng từ phòng kinh doanh, báo cáo kết quả sản xuất hàng ngày theo dõi vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất...

Giữa các bộ phận ở hai phân xưởng trong doanh nghiệp có mối quan hệ hỗ trợ lẫn nhau trong sản xuất, hai phân xưởng được giao nhiệm vụ sản xuất dựa trên khối lượng công việc làm được và công nhân có thể đảm nhiệm được tương ứng.

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý sản xuất, kinh doanh của công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO:

a. Sơ đồ tổ chức:



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh công ty INCHEMCO

Để đảm bảo khả năng thực hiện tốt nhiệm vụ kinh doanh thì cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty công nghiệp hoá chất INCHEMCO là bộ máy quản lý trực tiếp với sự lãnh đạo từ trên xuống, từ hội đồng thành viên góp vốn, xuống là giám đốc và giúp việc cho giám đốc là các phó giám đốc, kế toán trưởng và các

phòng ban để thực hiện việc quản lý điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh và sau cùng là các phân xưởng sản xuất.

Bộ máy quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh dịch vụ gọn nhẹ, đảm bảo chất lượng và trình độ kỹ thuật nghiệp vụ lấy hiệu quả sản xuất kinh doanh là chính, ngoài ra kết hợp với việc kinh doanh các sản phẩm hoá chất và làm dịch vụ kỹ thuật nhằm tạo vốn củng cố quá trình sản xuất và làm nghĩa vụ với nhà nước.

b. Chức năng nhiệm vụ của từng phòng ban:

1. *Hội đồng thành viên góp vốn:* Là ban lãnh đạo cao nhất của công ty luôn xem xét các biện pháp lãnh đạo, hoạch định và đưa ra phương hướng về mặt chiến lược sản xuất kinh doanh của công ty.

2. *Giám đốc:* Là người quản trị cấp cao của doanh nghiệp, trực tiếp quản lý các thành viên và giám đốc công ty có nhiệm vụ đưa ra những chiến lược cụ thể cho định hướng phát triển.

3. *Phó giám đốc:* Là người giúp việc cho giám đốc trong một số lĩnh vực quản lý; giúp cho giám đốc trong việc kiểm tra đôn đốc các đơn vị thực hiện nhiệm vụ công tác sản xuất kinh doanh...

4. *Phòng hành chính tổng hợp:* Thực hiện nhiệm vụ hành chính văn phòng, an toàn lao động, chăm lo đời sống cho công nhân viên tạo môi trường làm việc thuận lợi để toàn bộ cán bộ công nhân viên công ty làm việc học tập, tham gia phát huy tối đa khả năng sáng tạo.

5. *Phòng kinh doanh:* Đảm bảo công tác thị trường một khâu quan trọng sống còn của công ty, tìm hiểu nghiên cứu thị trường, xác định nhu cầu khách hàng, xem xét ý kiến khách hàng về sản phẩm của công ty. Thông qua đó công ty định hướng lựa chọn phương án sản xuất kinh doanh nhằm đưa ra thị trường những sản phẩm đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng .

6. *Phòng kế toán tài vụ:* Có nhiệm vụ theo dõi, báo cáo các hoạt động về tài chính, bán hàng của công ty cập nhật trong ngày, tuần, tháng, năm.

7. *Phòng thí nghiệm:* Phòng thí nghiệm phụ trách về kiểm tra về chất lượng sản phẩm cũng như triển khai nghiên cứu các sản phẩm mới khẳng định vị thế của công ty.

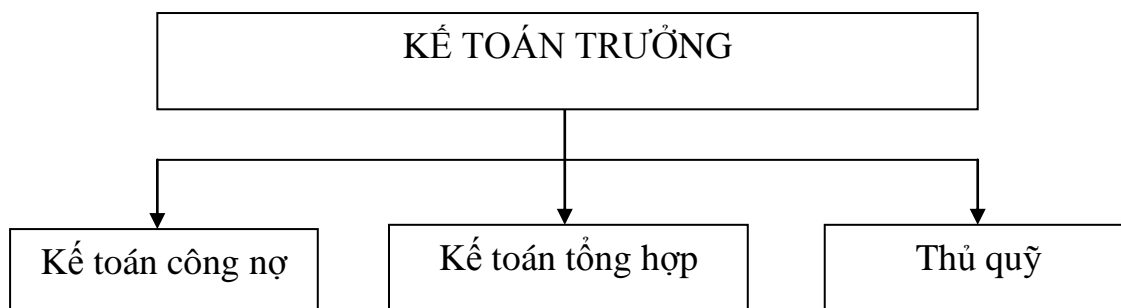
8. *Phòng kỹ thuật sản xuất*: Đây là bộ phận quản lý chất lượng được thành lập dưới sự điều hành của phó giám đốc sản xuất, để có đủ điều kiện xây dựng triển khai kế hoạch.

9. *Phòng công nghệ*: Có nhiệm vụ nghiên cứu phát triển ứng dụng khoa học công nghệ ứng dụng vào sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp.

2.1.4. *Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO*:

Bộ máy kế toán của công ty áp dụng theo mô hình tập trung. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tập trung ở phòng kế toán. Tại đây thực hiện việc tổ chức hướng dẫn và kiểm tra thực hiện toàn bộ phương pháp thu thập xử lý thông tin ban đầu, thực hiện đầy đủ việc ghi chép ban đầu, chế độ hạch toán và chế độ quản lý tài chính theo đúng quy định của Bộ tài chính, cung cấp một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời, những thông tin về tình hình tài chính của công ty. Từ đó tham mưu cho Giám đốc để đề ra những biện pháp các quy định phù hợp với đường lối phát triển công ty.

a. Sơ đồ tổ chức công tác kế toán:



Sơ đồ 2.3: *Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty INCHEMCO.*

Trong đó:

Kế toán trưởng: Phụ trách công tác kế toán chung trong công ty, tổ chức hạch toán, xác định hình thức kế toán áp dụng cho đơn vị, cung cấp thông tin kinh tế giúp lãnh đạo về công tác chuyên môn, kiểm tra tài chính. Bên cạnh đó kế toán trưởng còn theo dõi các phần hành: Theo dõi ngân sách, nhà cung cấp, các khoản phải thu, theo dõi TSCĐ, kế toán tổng hợp, tập hợp chi phí sản xuất của đơn vị,

hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh, lập báo cáo tài chính, lập tờ khai thuế, tổ chức sử dụng và huy động vốn có hiệu quả nhất.

Kế toán công nợ: Thực hiện ghi chép và theo dõi các phần chứng từ liên quan đến các khoản phải thu, phải trả.

Kế toán tổng hợp: Có trách nhiệm phụ trách bao quát tất cả các số liệu tiền lương, TSCĐ, NVL, giá thành, tiền mặt, TGNH. Tính toán và hạch toán tiền lương, BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN, các khoản khấu trừ lương, các khoản thu nhập, trợ cấp cho cán bộ, nhân viên trong công ty, hàng tháng ghi nhận các bảng thanh toán lương cho cán bộ nhân viên công ty.

Thủ quỹ: Có trách nhiệm thu, chi tiền mặt trên cơ sở chứng từ thu và các chứng từ chi, giấy tạm ứng... lập báo cáo cáo tồn quỹ tiền mặt theo quy định.

b. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán tại công ty:

Để đáp ứng nhu cầu quản lý, đồng thời căn cứ vào quy mô, đặc điểm của hoạt động sản xuất kinh doanh, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán hình thức được công ty áp dụng là hình thức **Nhật ký chung**

Hệ thống tài khoản hiện nay công ty đang sử dụng là hệ thống tài khoản do bộ tài chính ban hành.

Niên độ kế toán: Từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12/N

Chu trình kế toán của tổ chức chặt chẽ theo bốn bước sau:

- *Kiểm tra chứng từ:* xác minh chứng từ về tính hợp pháp, hợp lệ, trung thực, đúng chế độ kế toán.

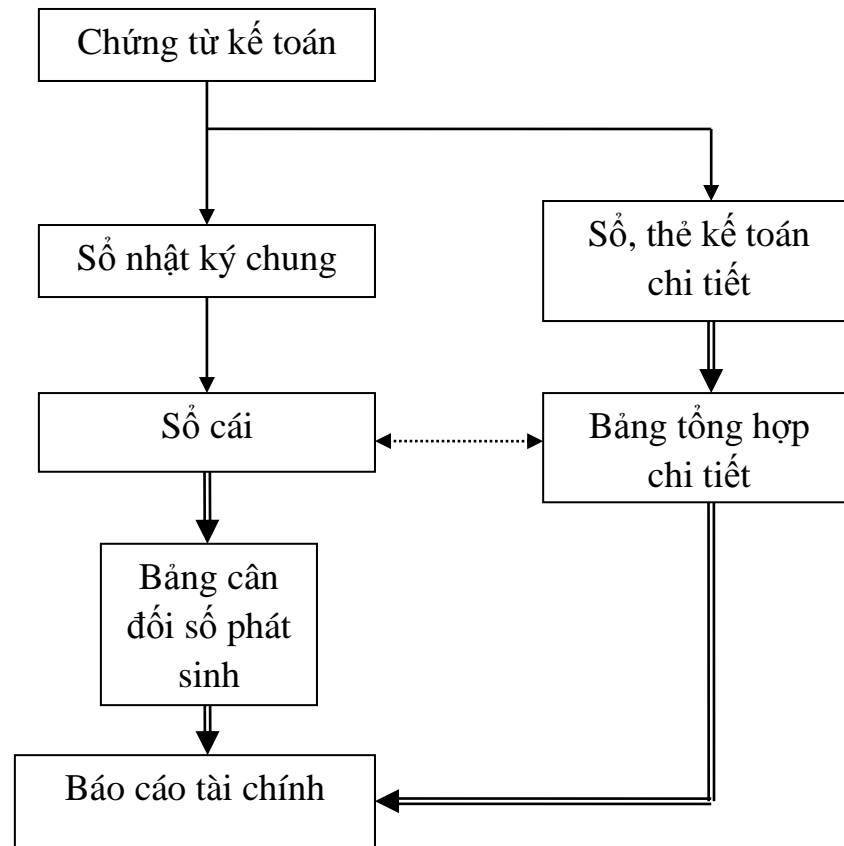
- *Hoàn chỉnh chứng từ:* Ghi chép nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh như số tiền, số thực xuất ...tổng hợp số liệu, lập và định khoản kế toán.

- *Luân chuyển chứng từ:* Tùy theo tính chất nội dung của từng loại chứng từ kế toán luân chuyển vào các bộ phận quy định để làm sổ kế toán tổng hợp và ghi sổ kế toán chi tiết kịp thời, chính xác.

- *Lưu trữ chứng từ:* Bộ phận kế toán có trách nhiệm tổ chức bảo quản lưu trữ đầy đủ có hệ thống và khoa học theo đúng quy định.

Đặc điểm chủ yếu của hình thức kế toán "Nhật ký chung" là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình

tự theo thời gian và theo quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ NKC, sau đó từ sổ NKC vào sổ cái tài khoản, từ sổ cái tài khoản, bảng tổng hợp chi tiết lập báo cáo kế toán.



Sơ đồ 2.4: Sơ đồ quy trình luân chuyển chứng từ tại công ty

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>
- Quan hệ đối chiếu, Kiểm tra <-.->

Với hình thức kế toán Nhật ký chung công ty sử dụng các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết
- Sổ cái

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ kế toán ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung và các sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm kế toán cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh, sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng Tổng hợp chi tiết được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

2.2. Thực trạng công tác kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO.

2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

a. Đặc điểm:

Doanh thu chủ yếu của công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO là từ việc cung cấp các sản phẩm hóa chất công nghiệp do công ty sản xuất, các hàng hóa liên quan đến hóa chất công nghiệp, ngoài ra còn gồm cả doanh thu từ việc cung cấp một số dịch vụ về xử lý các chất thải hóa học...

***Phương thức tiêu thụ:** Chủ yếu là tiêu thụ theo đơn đặt hàng.

Khách hàng có thể trực tiếp đến đặt hàng hoặc đặt hàng qua điện thoại. Sau khi công ty gửi bảng báo giá cho khách hàng, khách hàng xem xét đồng ý sẽ tiến hành ký kết hợp đồng.

Giá cả của các mặt hàng được phản ánh chi tiết trong bảng báo giá, khách hàng sẽ căn cứ vào đó để quyết định số lượng đặt hàng.

***Phương thức thanh toán:**

Bao gồm:

- Thanh toán ngay bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng
- Ghi nhận nợ (đối với những khách hàng thường xuyên, có uy tín)

b. Tài khoản sử dụng:

- TK 131: Phải thu của khách hàng
- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 - TK5111: Doanh thu bán thành phẩm
 - TK5112: Doanh thu bán hàng hóa

TK5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

-TK 3331: Thuế GTGT phải nộp

-Các TK khác có liên quan: TK 111, 112.....

c.Chứng từ sổ sách kế toán sử dụng:

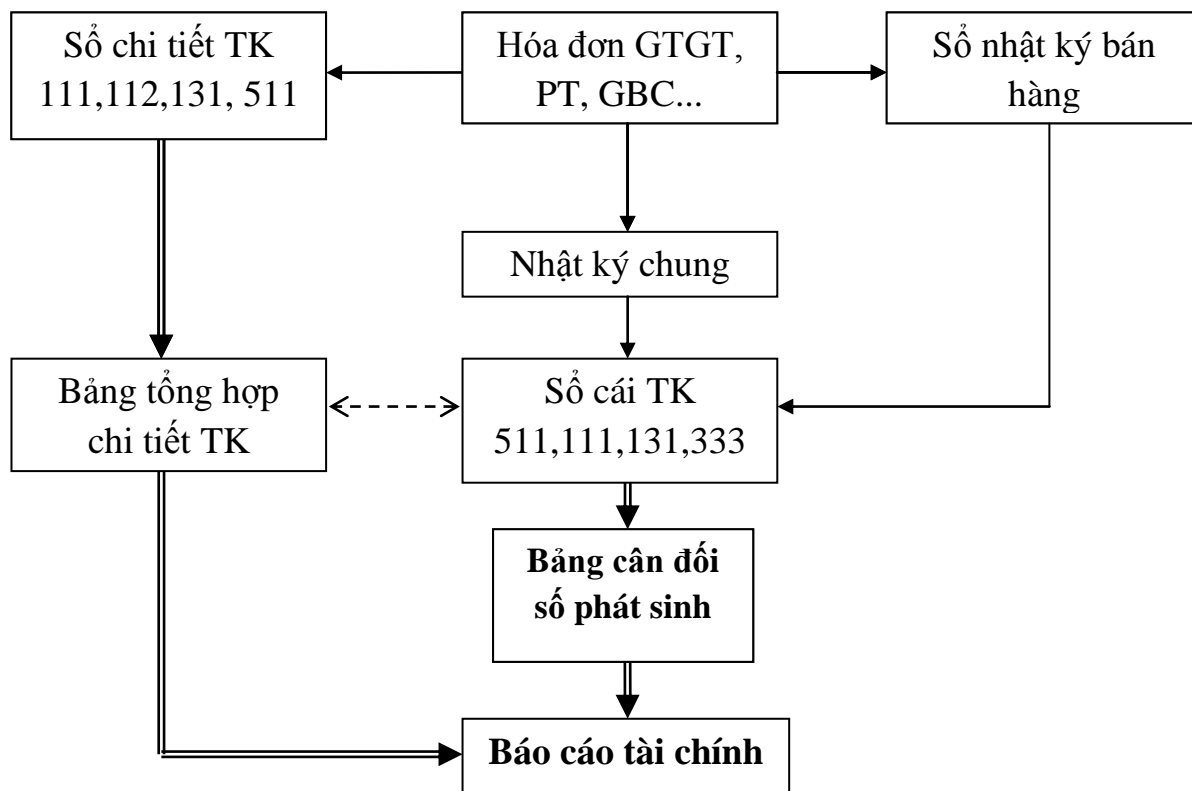
-*Chứng từ:*

Đối với phương thức bán hàng thu tiền ngay: Hóa đơn GTGT, Phiếu xuất kho, Phiếu thu tiền mặt hoặc giấy báo Có của ngân hàng.

Đối với phương thức ghi nhận nợ: Chứng từ sử dụng như đối với phương thức thu tiền ngay chỉ khác là thay phiếu thu (giấy báo có) bằng giấy ghi nhận nợ.

-*Sổ sách:* Sổ nhật ký bán hàng, Sổ chi tiết TK 131, Sổ tổng hợp chi tiết TK 131, Sổ quỹ tiền mặt, Nhật ký chung, Sổ Cái các TK có liên quan (TK 511, 131, 111, 112, 333...)

***Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**



Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>
- Quan hệ đối chiếu, Kiểm tra <-.-.-.-.->

d.Ví dụ:

Ngày 06/12/2011 bán cho công ty TNHH Nakashima Việt Nam 600 lít cồn thực phẩm Ethanol, đơn giá 31.000 đồng (VAT 0%). Công ty TNHH Nakashima VN đã thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên kế toán viết phiếu thu số 005/12, Hóa đơn GTGT ký hiệu AA/11P số 0000929. Kế toán vào Sổ quỹ tiền mặt để phản ánh số tiền bán hàng thu được, Sổ nhật ký bán hàng, Sổ nhật ký chung, Sổ Cái các TK liên quan.



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao người mua hàng
Ngày: 08 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/1/P

Số: 0000929

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT INCHEMCO**
 Mã số thuế: 0200278475
 Địa chỉ: Số 1416 26D, Khu đô thị Ngã 5 Sân bay Cát Bi, P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, HP
 Điện thoại: 0313.761675 Fax: 0313.760784 Email: inchemco@hn.vna.vn
 Số tài khoản: 020.0101.0004325 Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN Hải Phòng
 102.01.0000.216913 NH TMCP Công thương VN - CN Ngô Quyền - Hải Phòng

Họ tên người mua hàng:
 Tên đơn vị: Công ty TNHH NAKASUIMA Việt Nam
 MST: 02010656658 Hình thức thanh toán: CC
 Địa chỉ: Kì C1 2.2B Khu CN Đái Vũ Hải An HP
 Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Ethanol	lít	600	31.000	18.600.000

Cộng tiền hàng: 18.600.000
 Thuế suất GTGT: 0%
 Tiền thuế GTGT:
 Tổng tiền thanh toán: 18.600.000

Số tiền viết bằng chữ: Mười tám triệu sáu trăm nghìn đồng

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

**BÁN HÀNG QUA
ĐIỆN THOẠI-FAX**



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Đoàn Thị Hồng

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT TINCHEMCO
114 Đà Nẵng, Tp Hải Phòng

Mẫu số: 01 – TT
(Ban hàng theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC)
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU THU

Ngày 06 tháng 12 năm 2011

Quyển số:
Số: 005/12
Nợ: 1111 18.600.000
Có : 5112 18.600.000

Họ và tên người nộp tiền: CTY TNHH NAKASHIMA VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô CN 2.2B Khu công nghiệp Đình Vũ, Hải An, Hải Phòng.

Lý do nộp: Thu tiền hàng HĐ 929

Số tiền: **18.600.000 đồng** (viết bằng chữ) **Mười tám triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn.**

Kèm theo: Chứng từ gốc.

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người nộp tiền
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):.....

.....
-Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

-Số tiền quy đổi:.....

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT
 Tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ'	Số phát sinh		Số dư	Đối tượng
Ngày	Số			Nợ	Có		
		Dư đầu kỳ		891.632.383			
01/12/2011	PT001/12	Thu tiền hàng HĐ 916	131	8.250.000		899.882.383	Cty TNHH nhựa đường Petrolimex
.....
06/12/2011	PT005/12	Thu tiền hàng HĐ 929	5112	18.600.000		1.091.670.300	Cty TNHH Nakashima Việt Nam
.....
15/12/2011	PT018/12	Thu tiền hàng HĐ 962	131	3.300.000		679.469.626	Cty CP dịch vụ tàu biển Hải Cư
.....
31/12/2011	PC046/12	Trả tiền hàng	3312		100.000.000	898.321.450	Cty CP TM & XD Quyết Thắng
.....
		Tổng phát sinh		902.834.372	1.748.716.599		
		Dư cuối kỳ		45.750.156			

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu, họ tên)

SỔ NHẬT KÝ BÁN HÀNG

Tháng 12 năm 2011

CT	Ngày CT	Số CT	Ngày ghi sổ	Diễn giải	Tổng cộng	TK 5111	TK5112	TK5113	TK3331
HD	01/12/2011	0000916	01/12/2011	Hóa chất	8.250.000		7.500.000		750.000
HD	01/12/2011	0000917	01/12/2011	Tẩy lavabo	9.504.000	8.640.000			864.000
....
HD	06/12/2011	0000929	06/12/2011	Cồn thực phẩm Ethanol	18.600.000		18.600.000		
....
HD	31/12/2011	0001033	31/12/2011	Dịch vụ muối	4.900.000			4.454.545	445.455
				Tổng cộng	2.640.223.162	991.676.898	978.919.614	450.226.363	219.400.287

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu, họ tên)

NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
12/12/2011	BC145/CT	12/12/2011	Thanh toán tiền hàng HĐ 937	1122 131	51.562.500	51.562.500
12/12/2011	BN050/HH	12/12/2011	Trả tiền hàng HĐ 103 -Phải trả cho người bán -Chi phí quản lý -Tiền Việt Nam – NH CPTM Hàng Hải VN	3312 6422 1121	188.213.400 58.590	188.271.990
.....
31/12/2011	PK06	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: -Doanh thu bán thành phẩm -Doanh thu bán hàng hóa -Doanh thu cung cấp dịch vụ -Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	5111 5112 5113 9111	991.676.898 978.919.614 450.226.363	2.420.822.875
.....
			Tổng cộng		13.757.338.037	13.757.338.037

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2011

TK 511-Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tkđư	Số tiền	
Ngày	Chứng từ			Nợ	Có
		<i>Số dư đầu kỳ</i>			
.....
06/12/2011	HĐ929	Bán Ethanol cho cty TNHH Nakashima VN	1111		18.600.000
.....
31/12/2011	PK06	Kết chuyển doanh thu thành phẩm	9111	991.676.898	
31/12/2011	PK06	Kết chuyển doanh thu hàng hóa	9111	978.919.614	
31/12/2011	PK06	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ	9111	450.226.363	
		<i>Cộng số phát sinh</i>		2.420.822.875	2.420.822.875
		<i>Số dư cuối kỳ</i>			

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, đóng dấu, họ tên)

SỔ CÁI
Tháng 12 năm 2011
TK 111 – Tiền mặt

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Ngày	Chứng từ			Nợ	Có
		<i>Số dư đầu kỳ</i>		891.632.383	
01/12/2011	PT001/12	Thu tiền hàng HĐ 916	131	8.250.000	
				
06/12/2011	PT005/12	Thu tiền hàng HĐ 929	5112	18.600.000	
07/12/2011	PT006/12	Thu tiền hàng HĐ 930	131	2.420.000	
				
15/12/2011	PT018/12	Rút tiền gửi ngân hàng	131	100.000.000	
				
31/12/2011	PC046/12	Trả tiền hàng	3312		100.000.000
		Cộng		902.834.372	1.748.716.599
		Số dư cuối kỳ		45.750.156	

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, đóng dấu, họ tên)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán:

a. Phương pháp xác định giá vốn:

Giá vốn hàng bán của công ty bao gồm 2 loại giá vốn, là giá vốn của thành phẩm và giá vốn của hàng hóa.

+Giá vốn của thành phẩm chính là giá thành của sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, giá thành được tính bằng tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ liên quan đến sản xuất sản phẩm

+Giá vốn của hàng hóa chính là giá nhập kho của hàng hóa mua về (bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển, lưu trữ...)

**Giá xuất kho của thành phẩm, hàng hóa được tính theo phương pháp thực tế đích danh.*

b.Tài khoản sử dụng:

-TK 6321: Giá vốn của thành phẩm

-TK 6322: Giá vốn của hàng hóa

-TK 155: Thành phẩm

-TK 152: Nguyên vật liệu

-TK 156: Hàng hóa

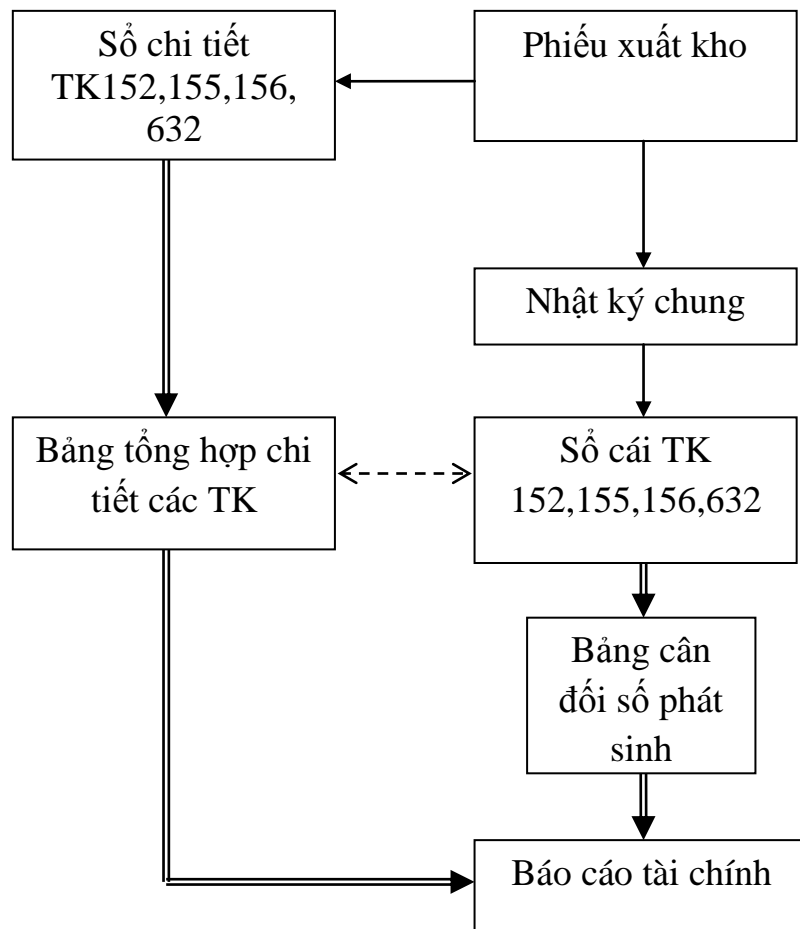
c.Chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng:

-*Chứng từ:* Phiếu xuất kho

-*Sổ sách:* Sổ chi tiết TK 632, Nhật ký chung, Sổ Cái TK 632

*Trình tự hạch toán:

Được hạch toán đồng thời với doanh thu, tức là khi phát sinh một nghiệp vụ bán hàng, xuất kho thành phẩm hoặc hàng hóa, kế toán căn cứ phiếu xuất kho hạch toán vào sổ chi tiết 632, nhật ký chung, sổ cái 632...



Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán kế toán giá vốn hàng bán.

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>
- Quan hệ đối chiếu, Kiểm tra <-.....->

d.Ví dụ:

Lấy tiếp ví dụ phần 2.2.1

Cùng với việc ghi nhận doanh thu bán hàng, kế toán phản ánh giá vốn hàng bán. Trị giá vốn hàng bán được tính theo phương pháp thực tế đích danh. Từ phiếu xuất kho kế toán vào Sổ chi tiết TK 632, 152, vào Nhật ký chung, vào Sổ cái TK 632, 152.

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Đối tượng: Giá vốn hàng hóa

Tháng 12 năm 2011

TK 6322-Giá vốn hàng bán của hàng hóa

Đơn vị tính: đồng

Ngày CT	Mã CT	Số CT	Diễn giải	TKĐƯ	PS Nợ	PS Có	Dư Nợ	Dư Có
			Dư đầu kỳ					
01/12/2011	PX	001/12	Xuất bán hóa chất	1521	3.697.741		3.697.741	
.....
06/12/2011	PX	014/12	Xuất bán cồn thực phẩm	1521	16.799.996		124.073.464	
.....
31/12/2011	PX	128/12	Xuất bán chất tẩy	156	2.230.459		735.311.408	
31/12/2011	PK	02	Kết chuyển giá vốn của hàng hóa	9111		735.311.408		
			Tổng số phát sinh		735.311.408	735.311.408		
			Dư cuối kỳ					

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu, họ tên)

NHẬT KÝ CHUNG
Tháng 12 Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
06/12/2011	PX014/12	06/12/2011	Xuất bán cồn thực phẩm Ethanol cho công ty TNHH Nakashima VN	6322 1521	16.799.996	16.799.996
.....
12/12/2011	BC145/CT	12/12/2011	Thanh toán tiền hàng HĐ 937	1122 131	51.562.500	51.562.500
.....
31/12/2011	PK02	31/12/2011	Kết chuyển giá vốn hàng bán -Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh -Giá vốn của thành phẩm -Giá vốn của hàng hóa	9111 6321 6322	1.656.890.160	921.578.752 735.311.408
.....
			Tổng cộng		13.757.338.037	13.757.338.037

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, đóng dấu, họ tên)

SỔ CÁI
Tháng 12 năm 2011
TK 632-Giá vốn hàng bán

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Ngày	Chứng từ			Nợ	Có
		<i>Số dư đầu kỳ</i>			
				
06/12/2011	PX014/12	Còn thực phẩm	1521	16.799.996	
07/12/2011	PX015/12	Chất tẩy động cơ	155	5.250.000	
.....
31/12/2011	PX128/12	Chất tẩy	156	2.230.459	
31/12/2011	PK02	Kết chuyển giá vốn 632=>9111	9111		1.656.890.160
		Tổng phát sinh		1.656.890.160	1.656.890.160
		<i>Số dư cuối kỳ</i>			

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, đóng dấu, họ tên)

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT INCHEMCO
 114 Đà Nẵng, Tp Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2011
 TK 152: Nguyên vật liệu

Đơn vị tính : Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Ngày	Chứng từ			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		1.022.049.544	
				
06/12/2011	PX014/12	Xuất bán hóa chất	632		16.799.996
				
30/12/2011	PX129/12	Mua NVL nhập kho của XN KHSXHP Môi trường	3312	8.266.500	
				
31/12/2011	PX121/12	Xuất NVL cho Sản xuất	1541		223.584.787
31/12/2011	PX127/12	Xuất VT cho phòng TN	6422		1.025.000
		Cộng số phát sinh		1.468.238.804	943.632.870
		Số dư cuối kỳ		1.546.655.478	

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, đóng dấu, họ tên)

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý:

Chi phí quản lý tại công ty TNHH công nghiệp hóa chất bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

a. Kế toán chi phí bán hàng:

Đối với những doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thì chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là những loại chi phí không thể thiếu được và thường chiếm một tỉ trọng không nhỏ. Vì vậy việc theo dõi và hạch toán các loại chi phí này một cách chính xác rất quan trọng, nó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

-TK sử dụng:

Để hạch toán chi phí bán hàng kế toán dùng tài khoản 6421: Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng của công ty bao gồm các loại chi phí :

- + Lương nhân viên bán hàng
- + Chi phí xăng xe ô tô phục vụ bán hàng
- + Chi phí trích khấu hao TSCĐ kho chứa hàng, cửa hàng, xe ô tô phục vụ bán hàng.
- + Các chi phí phát sinh tại cửa hàng, chi phí văn phòng phục vụ công tác bán hàng.
- + Chi phí quảng cáo...

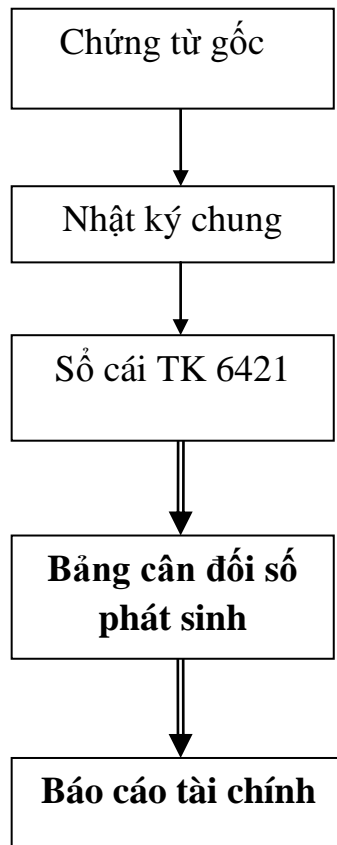
-Chứng từ sổ sách sử dụng:

**Các chứng từ thanh toán:* Phiếu chi, giấy tạm ứng, giấy đề nghị thanh toán, hoá đơn GTGT...

**Sổ sách kế toán:* Bảng thanh toán lương, Bảng trích khấu hao TSCĐ ở bộ phận bán hàng, Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 6421,111,112.....

-Quy trình hạch toán:

Khi nhận được hoá đơn, chứng từ liên quan đến chi phí bán hàng hay chi phí quản lý phát sinh trong kỳ: các Bảng tính phân bổ tiền lương, BHXH, Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, các Hoá đơn chứng từ, Phiếu chi...kế toán vào Sổ chi tiết, Sổ Nhật ký chung, và Sổ cái TK 6421 và các TK liên quan.



Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán kế toán chi phí bán hàng.

Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow

-Ví dụ: Ngày 30/12/2011 chi tiền xe chở hàng 16L0350 cho nhân viên Trần Thăng Bình bằng tiền mặt, số tiền 12.260.000 đồng (chưa VAT 10%).

Quyển số:.....

PHIẾU CHI

Ngày 30 tháng 12 Năm 2011

Số: 044/12

Nợ: 6421 12.260.000

Nợ: 1331 1.226.000

Có: 1111 13.486.000

Họ và tên người nhận tiền: Trần Thăng Bình.....

Địa chỉ: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT INCHEMCO.....

Lý do chi: Tiền xe 16L0350.....

Số tiền: 13.486.000 đồng (viết bằng chữ) Mười ba triệu bốn trăm tám mươi sáu
nghìn đồng chẵn.

Kèm theo chứng từ gốc

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ).....

-Tỷ giá ngoại tệ(vàng, bạc, đá quý):.....

-Số tiền quy đổi:.....

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
06/12/2011	PX014/12	06/12/2011	Xuất bán cồn thực phẩm Ethanol cho công ty TNHH Nakashima VN	6322 1521	16.799.996	16.799.996
.....
30/12/2011	PC044/12	30/12/2011	Chi tiền xe 16L0350	6421 1331 1111	12.260.000 1.226.000	13.486.000
.....
31/12/2011	PK04	31/12/2011	Kết chuyển chi phí bán hàng -Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh -Chi phí bán hàng	9111 6421	95.623.182	95.623.182
.....
			Tổng cộng		13.757.338.037	13.757.338.037

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, đóng dấu, họ tên)

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT INCHEMCO
 114 Đà Nẵng, Tp Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
 Tháng 12 năm 2011
TK 6421: Chi phí bán hàng

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Ngày	Chứng từ			Nợ	Có
		<i>Số dư đầu kỳ</i>			
.....
30/12/2011	PC044/12	Chi phí xe 16L0350 (Trần Thăng Bình)	1111	12.260.000	
31/12/2011	PK01	Phân bổ khấu hao tài sản – 2111(Công ty)	2141	3.686.917	
.....
31/12/2011	PK04	Kết chuyển chi phí bán hàng	9111		95.263.182
		Tổng phát sinh		95.269.573	95.269.573
		<i>Số dư cuối kỳ</i>			

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, đóng dấu, họ tên)

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp:

- Chi phí quản lý doanh nghiệp cũng là một trong những khoản chi phí lớn của Công ty. Chi phí quản lý doanh nghiệp là những khoản chi phí có liên quan đến toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp mà không tách riêng ra được cho bất cứ hoạt động nào.

-TK sử dụng:

Để hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp kế toán sử dụng Tài khoản 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp. Bao gồm:

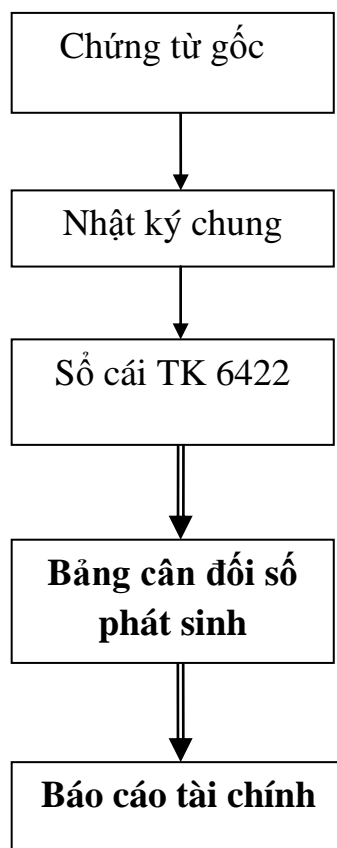
- +Chi phí nhân viên quản lý,
- +Chi phí đồ dùng văn phòng,
- +Khấu hao TSCĐ ,
- +Thuế phí lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác...

-Chứng từ, sổ sách sử dụng:

- +Bảng tính và phân bổ tiền lương,
- +Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- + Phiếu chi,....
- +Nhật ký chung,
- +Sổ Cái TK 6422,...

-Trình tự hạch toán:

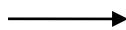
Khi nhận được hoá đơn, chứng từ liên quan đến chi phí bán hàng hay chi phí quản lý phát sinh trong kỳ: các Bảng tính phân bổ tiền lương, BHXH, Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, các Hoá đơn chứng từ, Phiếu chi...kế toán vào Sổ chi tiết, Sổ Nhật ký chung, và Sổ cái TK 6422.



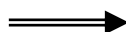
Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ



-Ví dụ: Ngày 14/12/2011 Thanh toán tiền điện thoại cố định(TT dịch vụ khách hàng-VTHP), số tiền 2.667.804 đồng (chưa VAT 10%).

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT INCHEMCO
114 Đà Nẵng - Tp Hải Phòng

Mẫu số: 02 – TT
Ban hành kèm theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC

Quyển số:.....

PHIẾU CHI

Ngày 14 tháng 12 Năm 2011

Số: 017/12

Nợ: 6422 2.667.804

Nợ : 1331 266.780

Có : 1111 2.934.584

Họ và tên người nhận tiền: Trần Thị Loan.....

Địa chỉ: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT INCHEMCO.....

Lý do chi: Tiền điện thoại cố định

Số tiền: 2.934.584 đồng (viết bằng chữ) Hai triệu chín trăm ba mươi tư nghìn ...

năm trăm tám mươi tư đồng chẵn.....

Kèm theo chứng từ gốc

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ).....

-Tỷ giá ngoại tệ(vàng, bạc, đá quý):.....

-Số tiền quy đổi:.....

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
06/12/2011	PX014/12	06/12/2011	Xuất bán cồn thực phẩm Ethanol cho công ty TNHH Nakashima VN	6322 1521	16.799.996	16.799.996
.....
14/12/2011	PC 017/12	14/12/2011	Trả tiền điện thoại cố định	6422 1331 1111	2.667.804 266.780	2.934.584
.....
31/12/2011	PK05	31/12/2011	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp -Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh -Chi phí quản lý doanh nghiệp	9111 6422	634.263.304	634.263.304
.....
			Tổng cộng		13.757.338.037	13.757.338.037

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, đóng dấu, họ tên)

SỔ CÁI
Tháng 12 năm 2011
TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Ngày	Chứng từ			Nợ	Có
		<i>Số dư đầu kỳ</i>			
.....
14/12/2011	PC017/12	Trả tiền điện thoại cố định	1111	2.667.804	
.....
31/12/2011	PK01	Phân bổ khấu hao tài sản – 2111(Công ty)	2141	4.526.987	
31/12/2011	PK05	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	9111		634.263.304
		Tổng phát sinh		634. 264.744	634.264.744
		<i>Số dư cuối kỳ</i>			

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, đóng dấu, họ tên)

2.2.4. Chi phí hoạt động tài chính, doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO là lãi tiền gửi từ các Ngân hàng, chi phí hoạt động tài chính là các khoản chi phí liên quan đến các khoản lãi vay.

a. Doanh thu hoạt động tài chính:

- Tài khoản sử dụng:

TK515: Doanh thu hoạt động tài chính

- Chứng từ sổ sách sử dụng:

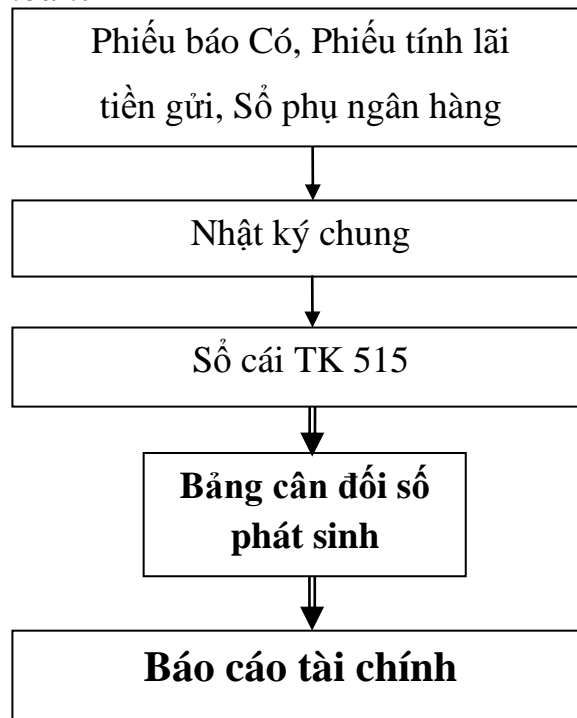
+ Phiếu báo Có, Phiếu tính lãi tiền gửi

+ Sổ phụ ngân hàng

+ Nhật ký chung

+ Sổ Cái TK 515

- Quy trình hạch toán:



Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow

-Ví dụ: Ngày 31/12/2011 Ngân hàng CPTM Hàng hải VN trả lãi tiền gửi, căn cứ vào Phiếu báo có, kèm theo phiếu tính lãi tiền gửi, Sổ phụ Tài khoản, kế toán vào sổ Nhật ký chung, sổ Cái TK515.

Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam

PHIẾU TÍNH LÃI TIỀN GỬI KHÔNG KỲ HẠN

Từ: 01/12/2011 đến: 31/12/2011

Tài khoản: 020.01.01.000432.5

CTY TNHH CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT INCHEMCO

Đến ngày	Số dư	Lãi suất	Lãi tích lũy
01/12/2011	429.918.414	2,40%	28661,228
02/12/2011	444.918.414	2,40%	58322,455
05/12/2011	452.838.414	2,40%	147834,14
06/12/2011	520.697.414	2,40%	182547,3
07/12/2011	546.494.614	2,40%	218980,27
08/12/2011	548.694.614	2,40%	255559,91
09/12/2011	587.650.454	2,40%	294736,61
12/12/2011	220.647.714	2,40%	387799,85
13/12/2011	240.647.714	2,40%	403843,03
14/12/2011	326.147.714	2,40%	425586,21
15/12/2011	528.848.714	2,40%	460842,8
16/12/2011	366.980.331	2,40%	485308,15
19/12/2011	420.865.331	2,40%	562296,55
20/12/2011	307.906.331	2,40%	582823,64
21/12/2011	296.083.531	2,40%	602562,54
22/12/2011	226.773.531	2,40%	617680,78
23/12/2011	66.311.635	2,40%	622101,55
26/12/2011	279.295.635	2,40%	649562,81
27/12/2011	303.254.635	2,40%	669779,79
29/12/2011	413.283.935	2,40%	717549,03
30/12/2011	491.193.935	2,40%	750295,29
31/12/2011	491.193.935	2,40%	783042,00
Lập biểu		Kiểm soát	

Ngân hàng CPTM Hàng hải Việt Nam

Chi nhánh Hải Phòng

SỔ PHỤ TÀI KHOẢN

Ngày: 31/12/2011

Mã số: 2679

Tài khoản: 020.01.01.000432.5 (VND)

CTY TNHH CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT INCHEMCO

Ngày	Giao DV	Số Séc	Phát sinh nợ	Phát sinh có
Dư đầu ngày			491.193.935,00	
31/12/2011	DD4400			783.042,00
Cộng tích lũy				783.042,00
Cộng tích lũy tháng			1.259.865.819,00	1.626.831.882,00
Cộng tích lũy năm			4.697.637.654,00	5.088.325.475,00
Dư cuối ngày			491.976.977,00	

NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
14/12/2011	PC 017/12	14/12/2011	Trả tiền điện thoại cố định	6422 1331 1111	2.667.804 266.780	2.934.584
.....
31/12/2011	BC289/HH	31/12/2011	Lãi tiền gửi tháng 12 – NH CPTM Hàng hải VN	1121 515	783.042	783.042
.....
31/12/2011	PK07	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính -Thu lãi tiền gửi -Kết quả hoạt động tài chính	515 9112	1.892.409	1.892.409
.....
			Tổng cộng		13.757.338.037	13.757.338.037

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, đóng dấu, họ tên)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2011

TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Ngày	Chứng từ			Nợ	Có
		<i>Số dư đầu kỳ</i>			
31/12/2011	BC037/NT	Lãi tiền gửi NH Ngoại thương T12	1124		481.450
31/12/2011	BC161/CT	Lãi tiền gửi NH Công thương T12	1122		627.917
31/12/2011	BC289/HH	Lãi tiền gửi NH Hàng hải VN T12	1121		783.042
31/12/2011	PK07	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	9112	1.892.409	
		Tổng phát sinh		1.892.409	1.892.409
		<i>Số dư cuối kỳ</i>			

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu, họ tên)

b. Chi phí hoạt động tài chính:

-TK sử dụng:

TK635: Chi phí hoạt động tài chính

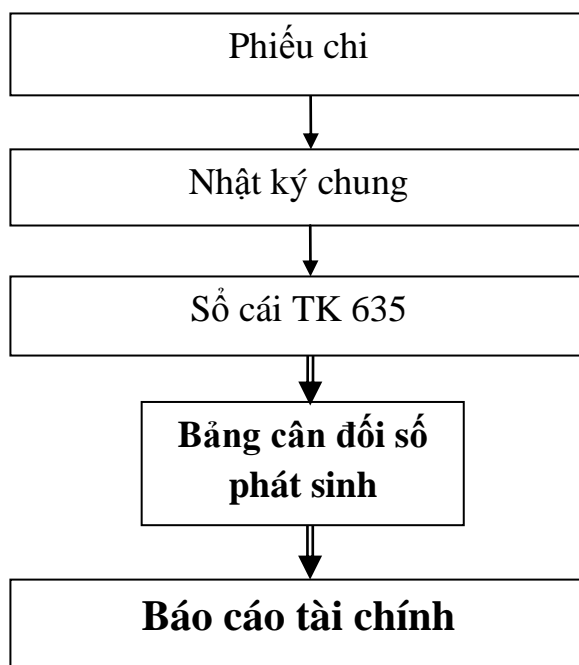
-Chứng từ, sổ sách sử dụng:

+Phiếu chi

+Nhật ký chung

+Sổ Cái TK635

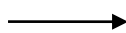
-Trình tự hạch toán:



Sơ đồ 2.10: Quy trình hạch toán kế toán chi phí hoạt động tài chính

Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ



Ví dụ: Ngày 31/12/2011 Trả tiền lãi vay tháng 12, số tiền 33.250.000 đồng cho ngân hàng TMCP Á Châu. Căn cứ chứng từ liên quan kế toán vào sổ Nhật ký chung, sổ Cái TK 635.

Ngân hàng Á Châu

Chi nhánh Hải Phòng

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 31/12/2011

Mã GDV: Trần Văn Nam

Mã KH: 801227

Số GD: 15

Kính gửi: CTY TNHH CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Mã số thuế: 0200278475

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Nợ: 13047839

Số tiền ghi bằng số: 33,250,000.00

Số tiền bằng chữ: Ba mươi ba triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.

Nội dung: Thanh toán lãi vay ngắn hạn tháng 12/2011

Giao dịch viên

Kiểm soát

NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
31/12/2011	BN015/AC	31/12/2011	Trả lãi vốn vay tháng 12 cho NH TMCP Á Châu	635 112	33.250.000	33.250.000
.....
31/12/2011	BC289/HH	31/12/2011	Lãi tiền gửi tháng 12 – NH CPTM Hàng hải VN	1121 515	783.042	783.042
.....
31/12/2011	PK03	31/12/2011	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính -Kết quả hoạt động tài chính -Lãi tiền vay	9112 635	52.250.000	52.250.000
.....
			Tổng cộng		13.757.338.037	13.757.338.037

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, đóng dấu, họ tên)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2011

TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Ngày	Chứng từ			Nợ	Có
		<i>Số dư đầu kỳ</i>			
15/12/2011	BN39/CT	Trả lãi vốn vay tháng 12/2011 ngân hàng Công thương	1111	19.000.000	
31/12/2011	BN15/AC	Trả lãi vốn vay tháng 12/2011 ngân hàng Á Châu	112	33.250.000	
31/12/2011	PK03	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	9112		52.250.000
		Tổng phát sinh		52.250.000	52.250.000
		<i>Số dư cuối kỳ</i>			

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu, họ tên)

2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:

Kết quả kinh doanh là chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Kết quả kinh doanh được xác định là chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí trong kỳ.

a. Tài khoản sử dụng:

Để xác định kết quả kinh doanh kế toán sử dụng các TK sau:

-TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

+ TK 9111: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

+ TK 9112: Kết quả hoạt động tài chính

-TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

+ TK 4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước

+ TK 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

-TK 821: Thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế TNDN)

b. Phương pháp hạch toán:

+ Căn cứ vào số dư cuối tháng của các TK 511, 515 kế toán kết chuyển sang bên Có của TK911.

+ Căn cứ vào số dư cuối tháng của các TK 632, 635, 6421, 6422 kế toán kết chuyển sang bên Nợ của TK 911.

Sau khi bù trừ hai bên Nợ - Có của TK 911, kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh như sau:

+ Nếu TK 911 dư Nợ thì kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là **lỗ**. Số lỗ này sẽ được kết chuyển sang bên Nợ của TK 421.

+ Nếu TK 911 dư Có thì kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là **lãi**. Số lãi này sẽ được kết chuyển sang bên Có của TK 421.

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong một thời gian nhất định. Kết quả kinh doanh được biểu hiện qua chỉ tiêu “Lãi” hoặc “Lỗ”. Căn cứ vào chế độ tài chính hiện hành, thu nhập của công ty được phân phối như sau:

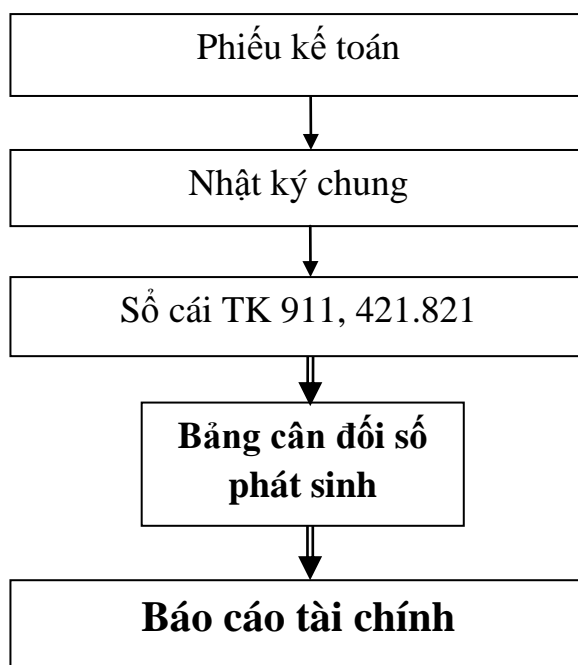
- Nộp thuế TNDN theo quy định với mức thuế suất 25%
- Bù lỗ các khoản năm trước không được trừ vào lợi nhuận sau thuế
- Trừ các khoản chi phí thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp

lý khi xác định thuế TNDN

c.Chứng từ, sổ sách sử dụng:

- Phiếu kế toán
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 911, 421, 821
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

**Quy trình hạch toán:*



Sơ đồ 2.11: Quy trình hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh

Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒

d.Ví dụ: Ngày 31/12/ 2011 kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh tháng 12.

Tổng phát sinh bên Nợ TK911: Kết chuyển chi phí

Nợ TK 9111: 1.656.890.160

Có TK 6321: 921.578.752

Có TK 6322: 735.311.408

Nợ TK 9112: 52.250.000

Có TK 635: 52.250.000

Nợ TK 9111: 95.623.182

Có TK 6421: 95.623.182

Nợ TK 9111: 634.263.304

Có TK 6422: 634.263.304

Tổng phát sinh bên Có TK 911: Kết chuyển doanh thu

Nợ TK 5111: 991.676.898

Nợ TK 5112: 978.919.614

Nợ TK 5113: 450.226.363

Có TK 9111: 2.420.822.875

Nợ TK 5154: 1.892.409

Có TK 9112: 1.892.409

Kết quả kinh doanh = Doanh thu – Chi phí

$$\begin{aligned} &= (2.420.822.875 + 1.892.409) - (1.656.890.160 + \\ &52.250.000 + 95.623.182 + 634.263.304) \\ &= - 16.311.362 \text{ (đồng)} \end{aligned}$$

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT INCHEMCO

114 Đà Nẵng, Tp Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31/12/2011

Số: PK02

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tháng 12	9111	6321	921.758.752
2	Kết chuyển giá vốn của hàng hóa tháng 12	9111	6322	735.311.408
	Cộng			1.656.890.160

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu, họ tên)

NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
31/12/2011	PK02	31/12/2011	Kết chuyển giá vốn hàng bán -Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh -Giá vốn của thành phẩm -Giá vốn của hàng hóa	9111 6321 6322	1.656.890.160	921.578.752 735.311.408
31/12/2011	PK03	31/12/2011	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính -Kết quả hoạt động tài chính -Lãi tiền vay	9112 635	52.250.000	52.250.000
31/12/2011	PK04	31/12/2011	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp -Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh -Chi phí quản lý doanh nghiệp	9111 6422	634.263.304	634.263.304
31/12/2011	PK05	31/12/2011	Kết chuyển chi phí bán hàng -Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh -Chi phí bán hàng	9111 6421	95.623.182	95.623.182
31/12/2011	PK06	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ -Doanh thu bán thành phẩm -Doanh thu bán hàng hóa -Doanh thu cung cấp dịch vụ -Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	5111 5112 5113 9111	991.676.898 978.919.614 450.226.363	2.420.822.875

31/12/2011	PK07	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính -Thu lãi tiền gửi -Kết quả hoạt động tài chính	515 9112	1.892.409	1.892.409
31/12/2011	PK09	31/12/2011	Xác định kết quả kinh doanh tháng 12 -Lợi nhuận chưa phân phối năm nay -Kết quả kinh doanh	4212 911	16.311.362	16.311.362
.....
			Tổng cộng		13.757.338.037	13.757.338.037

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2011

TK911-Xác định kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tkđư	Số tiền	
Ngày	Chứng từ			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
31/12/2011	PK02	Kết chuyển giá vốn thành phẩm	6321	921.578.752	
31/12/2011	PK02	Kết chuyển giá vốn hàng hóa	6322	735.311.408	
31/12/2011	PK03	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	635	52.250.000	
31/12/2011	PK04	Kết chuyển chi phí bán hàng	6421	95.623.182	
31/12/2011	PK05	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	634.263.304	
31/12/2011	PK06	Kết chuyển doanh thu bán thành phẩm	5111		991.676.898
31/12/2011	PK06	Kết chuyển doanh thu bán hàng hóa	5112		978.919.614
31/12/2011	PK06	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ	5113		450.226.363
31/12/2011	PK07	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		1.892.409
31/12/2011	PK09	Kết chuyển lãi lỗ	4212		16.311.632
		Cộng số phát sinh		2.439.026.646	2.439.026.646
		Số dư cuối kỳ			

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, đóng dấu, họ tên)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2011

TK 421-Lợi nhuận chưa phân phối

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tkđư	Số tiền	
Ngày	Chứng từ			Nợ	Có
		<i>Số dư đầu kỳ</i>			531.414.330
31/12/2011	PK09	Kết chuyển lãi lỗ tháng 12		16.311.362	
		<i>Tổng phát sinh</i>		16.311.362	
		<i>Số dư cuối kỳ</i>			515.102.968

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Người nộp thuế: Công ty TNHH Công nghiệp hóa chất INCHEMCO

Mã số thuế: 0200278475

Địa chỉ trụ sở: Số 14 Lô 26D Khu đô thị Ngã 5 Sân bay Cát Bi, p.Đông Khê

Quận Huyện: Ngô Quyền

Tỉnh/Thành phố: Hải Phòng

Điện thoại: 031.3761675 Fax: 031.3760784 Email: inchemco@hn.vnn.vn

Đơn vị tiền: Đồng Việt nam

STT	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	26.440.901.368	18.054.197.811
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.400.000	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		26.436.501.368	18.054.197.811
4	Giá vốn hàng bán	11		18.271.645.221	12.898.813.126
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		8.164.856.147	5.155.384.685
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		76.015.946	76.580.999
7	Chi phí tài chính	22		509.729.167	369.319.167
	-Trong đó: Chi phí lãi vay	23		509.729.167	369.319.167
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		7.044.338.968	4.361.131.520
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24)	30		686.803.958	501.514.997
10	Thu nhập khác	31			
11	Chi phí khác	32			
12	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40			
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	IV.09	686.803.958	501.514.997
14	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		171.700.990	125.378.749
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		515.102.968	376.136.248

Lập ngày 29/03/2012

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu, họ tên)

CHƯƠNG III

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT INCHEMCO

3.1. Các nguyên tắc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO:

3.1.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO:

Gia nhập tổ chức kinh tế thế giới WTO là một yếu tố khách quan trong điều kiện môi trường mới cùng với sự tiến bộ không ngừng của khoa học kỹ thuật đang từng giờ làm thay đổi thế giới, mở rộng và hội nhập vào nền kinh tế thế giới là một yêu cầu cần thiết. Để đáp ứng và tồn tại trên thị trường đòi hỏi mỗi cá nhân mỗi doanh nghiệp không thể hài lòng với những gì đạt được, muốn chiếm lĩnh được thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp nói chung và công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO nói riêng phải cạnh tranh gay gắt, mặt khác phải luôn năng động, nhanh nhạy nắm bắt được xu thế của thị trường, không ngừng mở rộng quan hệ buôn bán, hợp tác phát triển. Đổi mới công nghệ, kinh nghiệm, nâng cao chất lượng hàng hóa dịch vụ nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng.

Muốn làm được các doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến hoàn thiện công tác quản lý nhằm tối đa hóa lợi nhuận với mức chi phí thấp nhất, trong các công cụ quản lý đó kế toán là công cụ quản lý đặc biệt và phục vụ đắc lực nhất thông qua việc thu thập, ghi chép, xử lý, tính toán, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong hoạt động kinh doanh theo một hệ thống khoa học của kế toán. Chứng từ, tài khoản, tính toán, tổng hợp, cân đối để có thể cung cấp thông tin một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời về tình hình tài sản, sự biến động của tài sản giúp cho lãnh đạo doanh nghiệp đưa ra những quyết định đúng đắn và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Ngoài ra các báo cáo tài chính còn cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm về tình hình tài chính, triển vọng phát triển kinh doanh của doanh nghiệp để có những quyết định đầu tư đúng đắn, kịp thời trong từng thời kỳ.

Vì vậy doanh nghiệp phải hoàn thiện đổi mới không ngừng công tác kế toán cho phù hợp với yêu cầu quản lý hiện nay, nhất là trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hoàn thiện công tác kế toán thì hệ thống chứng từ ban đầu sẽ nâng cao được tính chính xác tạo điều kiện cho kế toán theo dõi tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc hoàn thiện góp phần sử dụng đúng tài khoản để phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tạo điều kiện cho công tác kiểm tra kế toán, đồng thời giúp cho các bạn hàng, ngân hàng, những người quan tâm đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp biết. Số liệu kế toán phải chính xác tuyệt đối và dễ hiểu đảm bảo sự minh bạch, công khai, thể hiện sự tiết kiệm nhưng có hiệu quả.

3.1.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO:

Mục đích của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là tạo hướng đi đúng đắn đưa công tác kế toán đi vào nề nếp, với các doanh nghiệp việc hoàn thiện này không nằm ngoài mục tiêu tăng doanh thu và đạt lợi nhuận cao, để đạt được hiệu quả trong việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải dựa trên các nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của Nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.

- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.

- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin kinh tế chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.2. Nhận xét chung về công tác kế toán tại công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO:

Công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO là một công ty có thời gian hoạt động gần 20 năm, có uy tín trên thị trường trong và ngoài nước. Đội ngũ nhân viên của công ty năng động, nhiệt tình có chuyên môn và tinh thần làm việc cao. Công tác kế toán nói chung của công ty và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng đã phần nào đáp ứng được yêu cầu quản lý cũng như giúp cho doanh nghiệp kiểm soát được tình hình thực tế, đồng thời đưa ra được những quyết định, chiến lược kinh doanh kịp thời, hiệu quả.

3.2.1. Ưu điểm trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO:

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO. Bởi lẽ nó liên quan đến việc xác định kết quả và khoản thu nhập thực tế vào phần phải nộp cho ngân sách nhà nước đồng thời nó phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty trong lưu thông trên cơ sở đặc điểm của từng phần hành kế toán doanh thu, chi phí đã vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn. Kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh bên cạnh việc cung cấp thông tin cho các cơ quan chức năng như cơ quan thuế, ngân hàng.....còn cung cấp đầy đủ thông tin cho lãnh đạo doanh nghiệp giúp ban giám đốc doanh nghiệp có những quyết định về hoạt động sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm và chiến lược nắm bắt kịp thời, đúng đắn và hiệu quả.

Công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO là một doanh nghiệp có bề dày kinh nghiệm, trong quá trình phát triển lãnh đạo công ty đã tự đi tìm cho mình hướng đi mới phù hợp với khả năng đa dạng sản phẩm, mở rộng thị trường trên

khắp cả nước. Để có được kết quả như hiện nay công ty đã xây dựng bộ máy quản lý rất khoa học và chặt chẽ, lựa chọn cán bộ có nghiệp vụ vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao.

-Về tổ chức bộ máy kế toán: Kế toán là một bộ phận cấu thành lên hệ thống quản lý kế toán tài chính của công ty và là một bộ phận quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Vì vậy công ty sớm nhận thấy vai trò của bộ máy kế toán trong việc quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh. Kế toán thường xuyên kiểm tra các chi phí phát sinh, phát hiện những nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh lại, đôn đốc thu hồi công nợ và cho biết các nguồn tài chính hiện tại của công ty phản ánh lên sổ sách kế toán và là nơi lưu trữ thông tin tài chính quan trọng. Đối tác của công ty rất nhiều vì vậy việc lập báo cáo tài chính một cách khoa học chặt chẽ mang một ý nghĩa rất lớn. Với đội ngũ kế toán giỏi, tinh thông nghiệp vụ, đặc biệt là kế toán trưởng có trình độ chuyên môn cao am hiểu nhiều lĩnh vực đã cho ra những bản báo cáo tài chính phù hợp.

-Về hệ thống chứng từ kế toán sử dụng: Công ty sử dụng hệ thống chứng từ theo Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính). Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ phát sinh tạo điều kiện cho tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Trình tự luân chuyển chứng từ đảm bảo cho chứng từ lập ra có cơ sở thực tế, cơ sở pháp lý. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ. Vì vậy đảm bảo tính không chồng chéo và nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng. Nhìn chung những thông tin kinh tế đã được ghi chép một cách đầy đủ, chính xác vào các chứng từ, tạo điều kiện cho việc đối chiếu, kiểm tra số liệu thực tế và số liệu trên sổ kế toán. Chứng từ được kế toán phân loại và lưu trữ cẩn thận, khoa học tạo điều kiện cho việc tìm kiếm và đối chiếu số liệu.

-Về tổ chức bộ sổ kế toán: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán “ Nhật ký chung” , các chứng từ gốc, các loại sổ sử dụng và các bảng phân bổ được tuân thủ theo một quy định chung và được thực hiện đồng bộ, thống nhất toàn công ty. Việc

xử lý các thông tin kế toán phù hợp với trình độ năng lực và điều kiện trang thiết bị tính toán cũng như yêu cầu quản lý của công ty. Việc xử lý các thông tin kế toán phù hợp với trình độ năng lực và điều kiện trang thiết bị tính toán cũng như yêu cầu quản lý của công ty. Việc kiểm soát công ty đảm bảo yêu cầu dễ tìm dễ thấy.

-Về khâu tổ chức hạch toán ban đầu: Để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến quá trình bán hàng. Công ty thực hiện theo chế độ kế toán do Nhà nước quy định. Đồng thời trình tự luân chuyển chứng từ để ghi sổ kế toán của công ty cũng khoa học hợp lý, giúp cho việc hạch toán bán hàng được sắp xếp, phân loại bảo quản theo đúng chế độ đã lưu trữ chứng từ tài liệu kế toán.

-Về việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh. Việc theo dõi và hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

Chi phí là một vấn đề mà các nhà quản lý đặc biệt quan tâm, cân nhắc và luôn tìm mọi cách quản lý chi phí một cách chặt chẽ, tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Do đó, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm bảo tính chính xác, kịp thời, đầy đủ khi phát sinh.

Công tác xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép được tiến hành trên cơ sở khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình thực tế của công ty.

3.2.2. Hạn chế còn tồn tại trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO:

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty vẫn còn một số hạn chế cần hoàn thiện sau:

-Về hệ thống sổ kế toán:

Theo hình thức ghi sổ Nhật ký chung thì sổ Nhật ký chung được ghi chép theo mẫu số S03a-DNN, Sổ cái theo mẫu số S03b-DNN ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Tuy nhiên mẫu sổ Nhật ký chung, sổ Cái mà kế toán đang sử dụng hiện nay chưa phù hợp với quy định hiện hành.

Sổ Nhật ký chung thiếu cột Số thứ tự dòng và cột Đã ghi sổ Cái. Như vậy sẽ dẫn đến khó đối chiếu so sánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh giữa các chứng từ, sổ sách kế toán có liên quan... dẫn đến nhầm lẫn và sai sót trong quá trình hạch toán.

Sổ Cái cũng thiếu cột Nhật ký chung bao gồm: số thứ tự dòng và trang sổ. Như vậy rất khó để đối chiếu số liệu giữa Nhật ký chung với sổ Cái.

Ngoài ra kế toán công ty không mở sổ chi tiết giá vốn Nguyên vật liệu để bán riêng, mà hạch toán chung với giá vốn của hàng hóa. Điều này sẽ dẫn đến khó theo dõi được số lượng nhập, xuất, tồn của nguyên vật liệu do nguyên vật liệu còn được xuất cho sản xuất sản phẩm.

-Về phương thức hạch toán kế toán: Trong điều kiện kinh tế thị trường, tình trạng kinh doanh của doanh nghiệp luôn biến đổi về quy mô, ngành nghề trong lĩnh vực kinh doanh, cách thức quản lý, cách thức kinh doanh, cách thức hạch toán và cách thức lãnh đạo.... Hơn nữa nhu cầu quản lý nhà nước về tài chính, thuế, ngân hàng, thị trường chứng khoán... cũng như yêu cầu quản lý kinh doanh của công ty, đòi hỏi cần thiết phải có phần mềm kế toán mới đáp ứng tốt hơn và nâng cao chất lượng thông tin được cung cấp. Mặc dù công ty đã trang bị hệ thống máy vi tính nhưng công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán chỉ làm kế toán excell trên vi tính mất khá nhiều thời gian, đôi khi còn có sự sai lệch nhầm lẫn về số liệu.

-Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm: Trong quá trình tiêu thụ chiến lược kinh doanh đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó sẽ tạo ra sức hấp dẫn lớn lôi cuốn khách hàng là luôn muốn tiêu dùng những sản phẩm tốt trên thị trường và được hưởng nhiều ưu đãi. Chính vì vậy việc không áp dụng những chính sách ưu đãi về chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán mua hàng, thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ làm giảm số

lượng khách hàng không nhỏ trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm của công ty, dẫn đến làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

-Về trích lập các khoản dự phòng: Khách hàng của công ty là những khách hàng thường xuyên mua hàng nhiều lần nhưng lại thanh toán chậm, nợ nhiều dẫn đến tình trạng tồn đọng vốn. Vậy mà công ty chưa tiến hành các khoản dự phòng cho số khách hàng khó đòi và hàng hoá tồn kho (dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho) nên không lường trước rủi ro trong kinh doanh. Như vậy đã làm sai nguyên tắc thận trọng của kế toán. Điều này dễ gây đột biến chi phí kinh doanh và phản ánh sai lệch kết quả kinh doanh của kỳ đó.

3.3. Một số ý kiến hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO:

Trước những yêu cầu hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán của công ty cho phù hợp với chế độ của Nhà nước, phù hợp với trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán công ty. Qua quá trình thực tập tại Công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nghiên cứu tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của công ty còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của Công ty sẽ được hoàn thiện hơn. Em xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty như sau:

3.3.1. Kiến nghị 1: Về hệ thống sổ kế toán

Công ty nên sửa lại mẫu sổ Nhật ký chung (Mẫu số S03s – DNN) và sổ Cái (Mẫu số S03b – DNN) để tiện theo dõi, ghi chép và đối chiếu số liệu tránh sai sót nhầm lẫn.

Công ty nên mở Sổ chi tiết giá vốn hàng bán riêng cho Nguyên vật liệu bán ra để việc hạch toán hàng tồn kho được chính xác, dễ dàng hơn, không nhầm lẫn với giá vốn của hàng hóa.

-Lấy ví dụ:

Ngày 12/12/2011 bán 60 lít axít HCL (PA) và 8 bộ nhựa căn chỉnh tàu máy 3,4kg cho công ty Cổ phần đóng tàu thủy sản HP. Đơn giá xuất lần lượt là 33.500 đồng/lít và 1.188.000 đồng/bộ.

Từ Phiếu xuất kho số 039/12 kế toán tiến hành phản ánh giá vốn vào sổ chi tiết giá vốn của hàng hóa (Nhựa căn chỉnh tàu máy 3,4kg), sổ chi tiết giá vốn của nguyên vật liệu (axít HCL), vào Nhật ký chung, sổ Cái TK 632, 156, 152.

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Đối tượng: Giá vốn hàng hóa

Tháng 12 năm 2011

TK 6322-Gía vốn hàng bán của hàng hóa

Đơn vị tính: đồng

Ngày CT	Mã CT	Số CT	Diễn giải	TKĐƯ	PS Nợ	PS Có	Dư Nợ	Dư Có
			Dư đầu kỳ					
05/12/2011	PX	009/12	Xuất bán thủ nức	156	400.000		400.000	
.....
12/12/2011	PX	039/12	Nhựa căn chỉnh tàu máy	156	9.504.000		39.684.500	
.....
31/12/2011	PX	128/12	Xuất bán chất tẩy	156	2.230.459		397.649.018	
31/12/2011	PK	02	Kết chuyển giá vốn của hàng hóa	9111		397.649.018		
			Tổng số phát sinh		397.649.018	397.649.018		
			Dư cuối kỳ					

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, đóng dấu, họ tên)

CÔNG TY TNHH CN HÓA CHẤT INCHEMCO
114 Đà Nẵng, Tp Hải Phòng

Mẫu số: S20 – DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN
Đối tượng: Giá vốn nguyên liệu xuất bán
 Tháng 12 năm 2011
TK 6322-Gía vốn hàng bán của hàng hóa

Đơn vị tính: đồng

Ngày CT	Mã CT	Số CT	Diễn giải	TKĐƯ	PS Nợ	PS Có	Dư Nợ	Dư Có
			Dư đầu kỳ					
01/12/2011	PX	001/12	Xuất bán hóa chất	1521	3.697.741		3.697.741	
.....
12/12/2011	PX	039/12	Xuất bán axit HCl	1521	2.010.000		53.977.596	
.....
30/12/2011	PX	121/12	Xuất bán chất tẩy	1521	2.262.852		337.662.390	
31/12/2011	PK	02	Kết chuyển giá vốn của nguyên liệu xuất bán	9111		337.662.390		
			Tổng số phát sinh		337.662.390	337.662.390		
			Dư cuối kỳ					

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, đóng dấu, họ tên)

NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số TT dòng	Đã ghi Sổ Cái	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
.....
06/12/2011	PX014/12	06/12/2011	Xuất bán cồn thực phẩm Ethanol cho công ty TNHH Nakashima VN	32	x	6323 1521	16.799.996	16.799.996
.....
12/12/2011	PX	039/12	Xuất bán nhựa căn chỉnh tàu máy cho công ty Cổ phần đóng tàu thủy sản HP	74	x	6322 156	9.504.000	9.504.000
.....
31/12/2011	PK02	31/12/2011	Kết chuyển giá vốn hàng bán -Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh -Giá vốn của thành phẩm -Giá vốn của hàng hóa	324	x	9111 6321 6322	1.656.890.160	921.578.752 735.311.408
.....
			Tổng cộng				13.757.338.037	13.757.338.037

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, đóng dấu, họ tên)

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT INCHEMCO
 114 Đà Nẵng, Tp Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
 Tháng 12 năm 2011
TK 632-Giá vốn hàng bán

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK ĐU'	Số tiền	
Ngày	Chứng từ		STTD	Trang số		Nợ	Có
		<i>Số dư đầu kỳ</i>					
						
12/12/2011	PX039/12	Axít HCl	73	01	1521	2.010.000	
12/12/2011	PX039/12	Nhựa căn chỉnh tàu máy	74	01	156	9.504.000	
.....
31/12/2011	PX128/12	Chất tẩy	87	02	156	2.230.459	
31/12/2011	PK02	Kết chuyển giá vốn 632=>9111	94	02	9111		1.656.890.160
		Tổng phát sinh				1.656.890.160	1.656.890.160
		<i>Số dư cuối kỳ</i>					

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, đóng dấu, họ tên)

3.3.2. Kiến nghị 2: Về hiện đại hóa công tác kế toán:

Để góp phần hiện đại hóa công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý, đồng thời tiết kiệm lao động của nhân viên kế toán, giải phóng cho kế toán chi tiết khỏi công việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu kế toán một cách đơn điệu, nhằm chán, mệt mỏi để họ giành thời gian cho công việc lao động thực sự sáng tạo của quá trình quản lý, bán hàng công ty nên trang bị máy tính có cài các chương trình phần mềm kế toán ứng dụng sao cho phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty. Hiện tại phòng kế toán của công ty đã được trang bị đầy đủ máy vi tính phục vụ cho công tác kế toán, điều đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán, điều đó giúp giảm bớt khó khăn cho kế toán viên trong công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu vì đặc điểm hàng hoá của công ty đa dạng. Phần mềm kế toán ứng dụng sẽ mang lại hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp.

Khi trang bị máy tính có cài phần mềm, đội ngũ kế toán cần được đào tạo, bồi dưỡng để khai thác được những tính năng ưu việt của phần mềm. Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại thông tư (Thông tư 103/2005/TT – BTC của Bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc “Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán”) hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán Fast của công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp Fast.
- Phần mềm kế toán Smart Soft của công ty cổ phần Smart Soft
- Phần mềm kế toán Misa của công ty cổ phần Misa
- Phần mềm SAS-INNOVA của công ty Cổ phần SIS Việt Nam.

Trình tự kế toán trên máy vi tính về nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau: Việc tổ chức ghi chép vào sổ kế toán tài chính, máy tính nhập dữ liệu do kế toán viên nhập từ các chứng từ liên quan vào. Cuối kỳ các bút toán kết chuyển nhập vào máy, tự máy xử lý hạch toán vào sổ kế toán. Căn cứ vào yêu cầu của chủ doanh nghiệp, giám đốc, kế toán trưởng, người sử dụng sẽ khai báo vào máy những yêu cầu cần thiết (sổ cái, báo cáo doanh thu,

kết quả kinh doanh...) máy sẽ tự xử lý và đưa ra những thông tin cần thiết theo yêu cầu.

3.3.3. Kiến nghị 3: Về chính sách ưu đãi đối với khách hàng trong tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa:

Để thu hút được khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lớn lâu năm, để tăng được doanh thu, tăng lợi nhuận. Công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với hình thức chiết khấu thương mại.

Chiết khấu thương mại: là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc các cam kết bán hàng.

Để hạch toán CKTM, Công ty sử dụng TK 521- Chiết khấu thương mại. Khi hạch toán phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

+Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

+Phải theo dõi chi tiết chiết khấu thương mại đã thực hiện cho từng khách hàng và từng loại hàng bán như bán hàng sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Doanh nghiệp cũng có thể sử dụng thêm hình thức chiết khấu thanh toán, điều này sẽ ảnh hưởng tích cực đến tốc độ thu tiền của các khoản phải thu, giúp công ty tránh được tình trạng chiếm dụng vốn trong thời gian dài.

Chiết khấu thanh toán: là số tiền giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc trong cam kết. Số tiền chiết khấu này được hạch toán vào TK 635: chi phí hoạt động tài chính.

Để xác định mức chiết khấu thanh toán có thể dựa trên các yếu tố:

- Tỷ lệ lãi suất ngân hàng
- Thời gian thanh toán tiền hàng
- Dựa vào mức CKTT của doanh nghiệp cùng loại...

Hiện nay, với đặc điểm sản xuất kinh doanh thì Công ty có thể lựa chọn 2 yếu tố là thời gian thanh toán tiền hàng và lãi suất của ngân hàng để làm căn cứ xác định tỷ lệ chiết khấu thanh toán.

Vì không có văn bản quy định cụ thể về mức CKTT và do kinh nghiệm còn hạn chế nên sau khi tham khảo mức chiết khấu của các doanh nghiệp cùng ngành, có quy mô tương tự đồng thời là đối tác của Công ty, em xin đưa ra mức chiết khấu thanh toán Công ty có thể áp dụng như sau:

– Nếu khách hàng thanh toán trước 2/3 ngày so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ được hưởng chiết khấu thanh toán là 1.5% trên giá tổng giá đã TT.

– Nếu khách hàng thanh toán trước 1/3 ngày so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ được hưởng chiết khấu thanh toán là 0,5% trên tổng giá đã TT.

Mặt khác, khi lãi suất ngân hàng thay đổi, Công ty sẽ điều chỉnh mức CKTT cho phù hợp.

Phương pháp hạch toán:

- *Chiết khấu thương mại:*

Trong kỳ, kế toán phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh:

Nợ TK 521 : Chiết khấu thương mại (chưa bao gồm VAT)

Nợ TK 3331: Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111, 112: thanh toán ngay

Có TK 131: chưa thanh toán

Cuối kỳ, kế toán xác định doanh thu thuần, ghi:

Nợ TK 511: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521: chiết khấu thương mại

- *Chiết khấu thanh toán:*

Trong kỳ, kế toán phản ánh số tiền chiết khấu thanh toán phát sinh thực tế dành cho người mua:

Nợ TK 635: Chiết khấu thanh toán (đã bao gồm VAT)

Có TK 131: phải thu khách hàng.

Cuối kỳ, kế toán kết chuyển số tiền chiết khấu thanh toán cùng với các khoản chi phí tài chính phát sinh sang TK 911:

Nợ TK 911: xác định kết quả kinh doanh.

Có TK 635: chi phí tài chính.

Ví dụ minh họa: Ngày 15/12 công ty Toyota Bo HP thanh toán tiền hàng HĐ 058 ngày 24/11 số tiền 31.560.000 đồng bằng TGNH. Do khách hàng đã thanh toán trước thời hạn 30 ngày, tức 2/3 thời hạn ghi trong hợp đồng nên được hưởng mức CKTT là 1,5% tổng giá thanh toán, cụ thể là: $31.560.000 * 1,5\% = 437.400$ (đồng).

Kế toán định khoản:

Nợ TK 635: 437.400

Có TK 131: 437.400

3.3.4. Kiến nghị 4: Về trích lập các khoản dự phòng:

Tính đến ngày 31/12/2011 số Phải thu khách hàng của công ty là 5.379.420.655 đồng, nhưng công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Điều này có thể gây ra những rủi ro trong kinh doanh cho công ty. Vì vậy, việc trích lập một khoản dự phòng phải thu khó đòi là điều cần thiết, giúp cho doanh nghiệp tránh được những tổn hại không lường trước được. Dự phòng phải thu khó đòi được phản ánh vào tài khoản: TK 1592 ***“Dự phòng phải thu khó đòi”***

Theo quy định hiện hành thì các khoản phải thu được coi là khoản phải thu khó đòi phải có các bằng chứng chủ yếu sau:

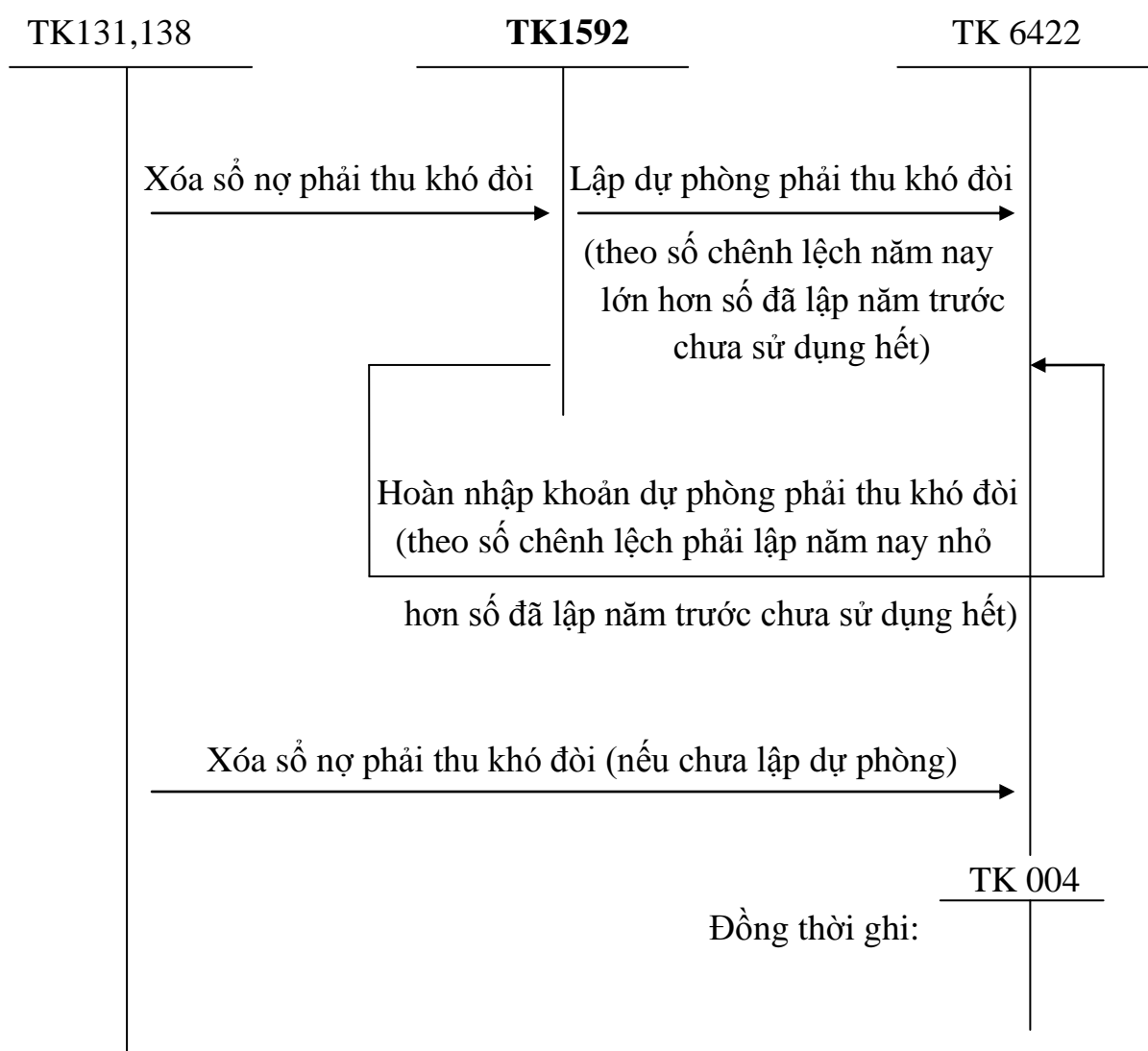
- Số tiền phải thu theo dõi được cho từng đối tượng, theo từng nội dung, từng khoản nợ, trong đó ghi rõ số nợ phải thu khó đòi.
- Phải có chứng từ gốc hoặc giấy xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ chưa trả bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ.

- Căn cứ để được ghi nhận là một khoản nợ phải thu khó đòi là:

□ Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong Hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa được.

□ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

***Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 3.1. Sơ đồ hạch toán dự phòng phải thu khó đòi.

***Phương pháp xác định:**

Dựa trên tài liệu hạch toán chi tiết các tài khoản nợ phải thu của từng khách hàng, phân loại theo thời hạn thu nợ, các khách hàng quá hạn được xếp hạng khách hàng khó đòi, nghi ngờ. Doanh nghiệp cần thông báo cho khách hàng và trên cơ sở thông tin phản hồi từ khách hàng, kẻ cả bằng phương pháp xác minh, để xác định số dự phòng cần lập theo số % khả năng mất(thất thu):

$$\text{Dự phòng phải thu khó đòi cần lập} = (\text{Nợ phải thu khó đòi}) \times (\text{Số \% khả năng mất})$$

Cuối kỳ kế toán, Công ty căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là chắc chắn chưa thu được, kế toán tiến hành tính toán và trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

***Mức trích lập:** (Theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009)

Quá hạn thanh toán (t)	Mức trích lập dự phòng
$t < 1\text{năm}$	30%
$1\text{năm} < t < 2\text{năm}$	50%
$2\text{năm} < t < 3\text{năm}$	70%
$3\text{năm} < t$	100% (coi như khoản nợ không đòi được)

3.3.5. Một số kiến nghị khác:

- Bộ phận kế toán nên thường xuyên có những buổi họp để trao đổi, phổ biến kiến thức chuyên môn, cập nhật thông tin kế toán mới để có sự phối hợp nhịp nhàng, ăn ý giữa các nhân viên kế toán, nhằm nâng cao năng suất hoạt động, phù hợp với giai đoạn tăng cường các hoạt động kinh doanh của công ty hiện nay.

- Là một công ty đã tồn tại lâu dài, có uy tín trên thị trường, thường xuyên có những hợp đồng lớn, công ty đang không ngừng phát triển. Tuy nhiên trong tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt, nhiều bất ổn, giá cả các mặt hàng không ngừng

biến động, để tồn tại và phát triển hơn nữa thì ngoài những chính sách, đường lối như hiện nay công ty nên tìm cho mình những giải pháp mới trong hướng đi như:

+ Mở rộng thị trường tiêu thụ:

Thị trường là yếu tố quyết định của quá trình kinh doanh hàng hoá. Do đó để nâng cao hiệu quả kinh doanh, công ty cần có sách lược, chiến lược mở rộng thị trường, đẩy mạnh quá trình tiêu thụ.

Khó khăn lớn nhất hiện nay của công ty là sự cạnh tranh của các đơn vị nhỏ lẻ, sản xuất các sản phẩm nhái lại các sản phẩm của công ty, không đảm bảo chất lượng, công ty phải thay đổi kế hoạch trong công tác sản xuất kinh doanh sao cho vừa đáp ứng nhu cầu về lượng cho mọi khách hàng và vừa đảm bảo về giá cả trên thị trường mà vẫn đảm bảo được chất lượng sản phẩm. Ban lãnh đạo công ty cần có những chính sách, chiến lược để đối phó với tình hình hiện nay. Hơn nữa, đề nghị công ty nên có biện pháp giới thiệu sản phẩm của mình thông qua chính sách quảng cáo để qua đó phát triển thị trường tiêu thụ ngành hàng kinh doanh. Để góp phần nâng cao hiệu quả quảng cáo, công ty phải nghiên cứu kỹ, phải tiến hành thăm dò thái độ của khách hàng, điều quan trọng cuối cùng phải đánh giá hiệu quả kinh tế của quảng cáo bằng cách so sánh chi phí bỏ ra với hiệu quả quảng cáo đem lại. Với phương châm thảo mãn tốt nhu cầu của khách hàng về hàng hoá. Công ty cần tạo ra một hệ thống các cơ sở đại lý để cung cấp hàng hóa đến tay khách hàng một cách thuận tiện. Trên cơ sở đó công ty nên mở một số cơ sở đại lý bán hàng ở những khu vực thích hợp, công ty sẽ phải đầu tư thêm vốn để đưa sản phẩm của mình tới khách hàng bằng con đường nhanh nhất. Đồng thời, nó còn giúp công ty nâng cao khả năng tiêu thụ sản phẩm tránh tình trạng không thu hồi được vốn và việc sản xuất kinh doanh không được liên tục.

+ Đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường....

KẾT LUẬN

Trong cơ chế thị trường hiện nay, cạnh tranh trên thương trường ngày càng gay gắt, sân chơi thương trường cũng trở nên bình đẳng hơn, các doanh nghiệp chỉ có thể tồn tại và phát triển được khi tạo cho mình sức mạnh tốt, mà cái đó phải do chính bản thân doanh nghiệp nỗ lực thực hiện. Vấn đề kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quyết định tới sự tồn tại của mỗi doanh nghiệp. Việc xác định đúng doanh thu, chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho nhà quản trị đưa ra quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty. Vì thế, hoàn thiện công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh không chỉ là của Công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO mà còn là vấn đề quan tâm của tất cả các doanh nghiệp khác và của cả nền kinh tế quốc dân hiện nay.

Trên cơ sở những lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, đề tài đã đi sâu tìm hiểu nghiên cứu tình hình thực tế về hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty INCHEMCO để thấy rõ những mặt đã đạt được và những vấn đề tồn tại, từ đó đề ra một số biện pháp trong việc hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty.

Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là vấn đề tổng hợp cả lý luận và thực tiễn. Đồng thời do trình độ lý luận và kinh nghiệm thực tế còn hạn chế, chắc chắn đề tài của em không tránh khỏi thiếu sót. Em rất mong nhận được sự chỉ bảo của thầy cô giáo và các cán bộ phòng kế toán công ty INCHEMCO để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn nhiệt tình của GV-THs.Trần Thị Thanh Thảo trong quá trình nghiên cứu, hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này!

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày... tháng... năm 2012

Sinh viên thực hiện

Bùi Thị Hương Nga

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1.** Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính - Nhà xuất bản Thống kê năm 2009.
- 2.** Chuẩn mực kế toán số 14.
- 3.** Thông tư 228/2009/TT - BTC ngày 7/12/2009.
- 4.** Tài liệu, chứng từ, sổ sách kế toán năm 2011 của công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO.
- 5.** Mạng internet.